
Văn học và tuổi trẻ
TẠP CHÍ Toán học & Tuổi trẻ TRONG NHÀ TRƯỜNG
ISSN: 18592686
SỐ THÁNG 11
NĂM 2024
VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Nguồn sáng

Văn học và Tuổi trẻ

TẠP CHÍ Toán học và Văn học trong nhà trường

Số tháng 11 (558 + 559) năm 2024

TRONG SỐ NÀY

CHÂN DUNG VĂN HỌC

Một vỉa Lưu Trọng Lư
Nhà thơ Hữu Thỉnh 3
Gặp gỡ nhà thơ, nhà báo Trần Tuấn – tác giả *Cà Mau quê xứ* 9

ĐI TÌM VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

Điệp khúc lời ru
TS. Nguyễn Văn Ba 14
Tiếng gọi tin yêu giữa những *Chiều biên giới*
TS. Đỗ Thu Huyền 19
Tình thế lưỡng phân trong trò chơi "Dải băng che mắt"
ThS. Nguyễn Phước Bảo Khôi 24
Khúc hát nhân sinh diệu kì trong *Truyện lạ nhà thuyền chài*
ThS. Nguyễn Minh Huệ 29

ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

Tính năng sản của yếu tố Hán Việt
PGS.TS. Dương Tuấn Anh 34
Đặc điểm truyện thơ Nôm
TS. Nguyễn Cảnh Chương 40
Hướng dẫn thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề...
ThS. Trần Lê Duy 45

HỎI VẪN ĐÁP...VĂN

Về việc Chí Phèo tìm đến nhà Bá Kiến...
PGS.TS. Ngô Văn Giá 55

GIÚP BẠN ÔN THI

Đề thử sức trước kì thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn
TS. Vũ Minh Đức 58
Đề ôn luyện trước kì thi Tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn, năm 2025
PGS. TS. Đặng Thu Thuỷ 63

TÁC PHẨM HAY CHO BẠN

Cổ tích khuyến học; Tiếng Việt mến yêu; Người trong nắng
Trần Quốc Toàn; Nguyễn Phan Hách; Nguyễn Thị Kim Hoà 64

VUI HỌC NGỮ VĂN

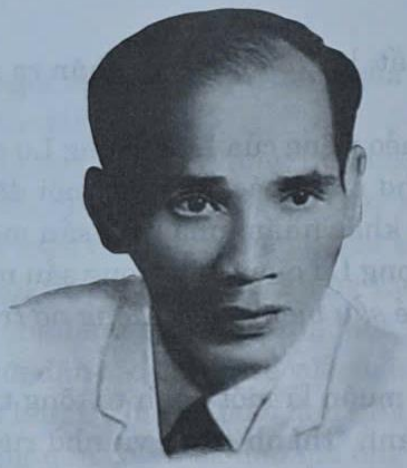
Vui học Ngữ văn 74
Đề ôn luyện Câu lạc bộ Văn – Toán tuổi thơ 80

MÙA ĐẦU VĂN HỌC

Bài dự thi Cuộc thi viết "Ươm mầm văn học" 86
Món quà đặc biệt...; Thông điệp từ câu chuyện *"Vì mình là bạn"*
Nguyễn Thị Hà Linh; Tăng Cẩm Loan 100

Mật ngữ TUỔI HỒNG

Thần tượng và kĩ năng quản trị cảm xúc...
Anne Le 123



Một vỉa
Lưu Trọng Lư

Nhà thơ Hữu Thỉnh

1. Sẽ rất bất công nếu chúng ta chỉ biết đến Lưu Trọng Lư như một nhà thơ, mặc dầu ông là nhà thơ nổi tiếng. Lúc còn sống, Lưu Trọng Lư chỉ xuất bản 4 tập thơ, kể thêm tập di cảo *Bài ca tự tình* được NXB Hội Nhà văn ấn hành là 5 tập. Văn xuôi mới thực là sự nghiệp của ông. Lưu Trọng Lư đã để lại cho chúng ta 38 tác phẩm văn xuôi, trong đó có 17 cuốn tiểu thuyết, 8 tập truyện dài và vừa, 5 tập bút kí, 6 vở kịch, 2 tập tiểu luận, phê bình và còn rất nhiều bài tiểu luận cùng các bản thảo, kịch bản khác. Riêng về lí luận phê bình được xuất bản công khai trước Cách mạng tháng Tám 1945, tác phẩm *Văn chương và hành động* do Lưu Trọng Lư là đồng tác giả với Hoài Thanh và Lê Tràng Kiều là một tập tiểu luận có giá trị, đặc biệt gần gũi với quan điểm Marxist về văn nghệ. Vì tính chất tiến bộ của nó, cuốn sách đã bị thực dân Pháp cấm lưu hành và tái bản.

Lưu Trọng Lư là một mỏ quặng lớn, tôi chỉ xin được tiếp cận một vỉa nhỏ của ông mà thôi, đó là thơ.

2. Bênh vực, tranh đấu cho Thơ mới, tưởng không ai bằng Lưu Trọng Lư. Từ việc diễn thuyết ở Học hội Quy Nhơn đến việc chào đời hàng loạt sáng tác mới, chứng tỏ một sinh lực tràn trề của người tự nguyện nhận lấy sứ mệnh "mở đột phá khẩu" cho Thơ mới. Cho đến khi Thơ mới hoàn toàn thắng thế, Lưu Trọng Lư vừa là người

được nhận vào một ngôi trường mới, trường của lòng yêu nước do hai bậc chí sĩ nổi tiếng dìu dắt.

Bước chuyển biến này của Lưu Trọng Lư được thể hiện rất rõ trong các tiểu thuyết *Người Sơn nhân* (1933), *Con voi già của vua Hàm Nghi* (1938) và *Chạy loạn* (1939),... Thế là, sau khi khởi xướng và góp phần làm cho Thơ mới thắng thế, Lưu Trọng Lư giao lại cho các kiện tướng đến sau. Còn ông lẳng lặng rẽ sang một nẻo khác. Ông tìm về với dân tộc. Tìm về với dân tộc là tìm về với cái có sẵn từ trong hồn cốt của Lưu Trọng Lư từ lâu. Đó là *"nụ cười đen nhánh sau tay áo"* của mẹ ông, đó là cả một rừng dân ca và ca dao mà ông đã trích ra một phần rất đặc sắc trong *Chuyện cô Nhuỵ* nổi tiếng.

Tìm về và vững bước trên đại lộ của đất nước và dân tộc, có ai ngờ và thú vị làm sao, sau 25 năm cơn mưa Huế đáng nhớ ấy, Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư lại được trân trọng giao trọng trách cùng làm việc trong Tiểu ban Văn nghệ của Trung ương. Đó là cơ quan có nhiệm vụ tư vấn cho Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hoá, văn học nghệ thuật của đất nước.

Theo tôi, trong những nhà văn nổi tiếng trước 1945, Lưu Trọng Lư là một trường hợp đặc biệt nhất. Đó là một dòng sông hợp lưu cả ba dòng *lãng mạn*, *hiện thực* và *yêu nước*. Trong bối cảnh văn học trước Cách mạng, tuy rất đa dạng, phức tạp, nhưng nếu gọi tên bất cứ nhà văn nào, ta dễ nhận ra khuynh hướng nghệ thuật của họ. Tố Hữu là ai? Vũ Trọng Phụng là ai? Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Hải Triều, Nguyên Hồng, Nguyễn Bính là ai?... Cứ nhắc tên là ta biết là nhà văn thuộc khuynh hướng nào, dòng nào, theo sự phân loại phổ biến được chấp nhận cho đến nay. Còn đối với Lưu Trọng Lư, bảo ông là nhà thơ lãng mạn, rõ quá rồi, không ai phản bác được. Nhưng ông lãng mạn trong thơ, lại đồng thời hiện thực trong văn xuôi. Cùng lúc đó, trong lí luận phê bình, đặc biệt trong *Văn chương và hành động*, trong thực tiễn, ông hiển hiện là một nhà văn yêu nước. Cùng một lúc vừa là thế này, vừa là thế kia, đó chính là Lưu Trọng Lư. Đó là sự đa dạng về mặt khuynh hướng. Còn một sự đa dạng khác về mặt thể loại, Lưu Trọng Lư cũng là một cây bút sử dụng nhiều thể loại nhất. Ông làm thơ, viết báo, viết truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu luận, kịch, kịch thơ và bút kí văn học. Với trên 40 tác phẩm đủ các thể loại, Lưu Trọng Lư quả thực là một tiềm năng văn học. Theo dõi hành trình sáng tác của ông, ta thấy từ năm 1940 đến 1945, Lưu Trọng Lư lúc sống ở quê, lúc ra Hà Nội và lại từ Hà Nội trở về Huế. Chính tại Huế, ông tham gia Hội Văn hoá cứu quốc cùng với Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Chế Lan





Viên. Trong bài thơ *Mẹ*, Lưu Trọng Lư nói về sự tỉnh giấc sau những ngày *"nửa đời úp mặt trong đêm tối"* thật cảm động: *"Mẹ đến rồi, mẹ đến bên/ Chan chứa nhìn anh mắt dịu hiền/ Tay nâng bát cháo, tay nâng dậy/ Lưỡi còn tê đắng, mắt còn hoen/ Cửa bé cửa nhớn: mở tung ra/ Đạp chiếu đạp chăn: đứng dậy/ Có tiếng chim kêu/ Có tiếng suối chảy/ Tiếng triệu triệu con ong/ Mật hoa thơm ngoài cánh đồng/ Hoa ơi hoa, lại nở trên cành/ Nầy mẹ, đời con đã tái sanh"*.

Trở về với dân tộc, đứng vững trên mảnh đất dân tộc là một bài học lớn về đời và về thơ của Lưu Trọng Lư. Sống cuộc sống của đất nước, của dân tộc, Lưu Trọng Lư thoát khỏi bế tắc, ông cảm thấy hoàn toàn phóng khoáng, tự do trong một tư thế nhập cuộc hết mình. Nhìn chung, các kiện tướng Thơ mới không có bài thơ nào thật hay trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Cần phải có thời gian cho một tiến trình, cho một chuyển hoá. Trong tình hình chung đó, *Ngò cải đơm hoa* của Lưu Trọng Lư là một cố gắng đáng trân trọng: *"Giặc có đốt thiêu đồng/ Lúa mùa sau lại mọc/ Giặc có dồn cướp thóc/ Thóc lại cướp trở về/ Hôm trước giặc dựng tề/ Hôm sau mình lại hạ/ Giặc bắn cả lợn gà/ Gà vịt lại tăng gia/ Giặc phá tan khung cửi/ Nhưng vải đã dệt xong/ Kịp chiến dịch thu đông/ Gửi cho anh, anh mặc"*.

Nếu ai muốn đo sức khoẻ của dân tộc qua sức khoẻ của thơ ca thì đoạn thơ trên có thể đem đến một dẫn chứng sinh động.

Từ dòng mạch này, Lưu Trọng Lư đã trở nên chín và nhuyễn hơn với những bài thơ đấu tranh thống nhất. Trong những năm đó, ở miền Nam, Giang Nam, Thanh Hải, Văn Công là ba tác giả có thành tựu nhất, thì ở miền Bắc, Tố Hữu, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư là ba nhà thơ có nhiều bài thơ hay nhất về đề tài này. Những năm đó, thế hệ chúng tôi thường được nghe giọng đọc thơ xúc động nồng nàn của Lưu Trọng Lư trên Đài Tiếng nói Việt Nam: *"Hỡi những người bạn hiền trên thế giới/ Sao chiều nay/ Đứng ở mũi đất này/ Chân tôi không bước tới/ Chân tôi không có quyền bước tới/ Bởi vì đâu bạn hỡi/ Bởi vì đâu? Ngoài khơi con chuồn con nục/ Mùa nước trong hay mùa nước đục/ Cũng thung thăng biển Bắc bờ Nam/ Trên đầu tôi mây xanh hay mây bạc/ Theo gió chiều mây cứ bạt bay qua/ Con nhạn, con én, bên bờ/ Cũng qua đầu tôi lướt sóng/ Trời trong hay trời rộng/ Con chim, con cá cũng thẳng cánh thẳng vi/ Sao đến chỗ ni/ Trước mắt tôi như có hào sâu ngăn lại/ Đất Việt Nam, người Việt Nam không bước tới/ Mắt mải nhìn, mắt mòn nửa con ngươi/ Lời tôi nói, lời tôi nghe đứt đoạn"* (Lưu Trọng Lư, *Sóng vỗ cửa Tùng*).

Năm tháng trôi qua, *Sóng vỗ cửa Tùng* viết năm 1958 cho đến nay vẫn là một trong những bài thơ hay nhất của Lưu Trọng Lư sau 1945.

3. Nếu chỉ dừng lại ở *Từ đất này*, là tập thơ thứ tư của ông xuất bản năm 1971, Lưu Trọng Lư hoàn toàn đã được xem là một nhà thơ nổi tiếng rồi. Nhưng thật đáng quý, vào những ngày chuẩn bị lễ kỉ niệm 100 năm ngày sinh của ông, gia đình đã công phu sưu tập và cho xuất bản tập thơ dầy dặn gồm những bài thơ chưa công bố của Lưu Trọng Lư có tên là *Bài ca tâm tình*. Tập di cảo này cho ta thấy rõ thêm sự nghiệp thơ ca và nhân cách văn hoá của ông.

Sinh thời, sau Thanh Tịnh, Tố Hữu và Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư có tình bạn đặc biệt với Nguyễn Tuân. Lưu Trọng Lư gọi Nguyễn Tuân là "tên ngất ngưởng", Nguyễn Tuân kêu Lưu Trọng Lư là "lão chồm chồm". Cái tên ấy nói lên một phần phẩm hạnh đặc biệt của Lưu Trọng Lư. Ông hầu như không sống ở đâu yên. Và ở đâu khó khăn nhất, gian nan nhất đều thấy ông xuất hiện. Từ Sông Tuyến những năm hai miền chia cắt, vào Khu 4 những năm chống chiến tranh phá hoại, lên Cao – Bắc – Lạng những năm xảy ra chiến tranh biên giới, đến đâu ông cũng có thơ và thơ hay. Gắn bó với dân tộc, với đất nước, là yêu cầu cao nhất của văn học.

Đó cũng là quan điểm sống và quan điểm nghệ thuật của Lưu Trọng Lư: *"Tôi là kẻ thù của khuôn sáo, của thờ ơ, của cỗi cằn/ Với dân tộc của tôi, thơ tôi không chệch ngoài quỹ đạo"*.

Có thể nói, *Bài ca tâm tình* là một bản hợp âm với những nỗi niềm, những tâm sự của thi nhân trước biết bao những đổi thay, những chuyển động, những vỡ da, những hi vọng trước một cuộc lên đường mới. Trước những tiêu cực xã hội, ông như lão tướng đập bàn quát mắng: *"Trên mảnh đất máu người thân ta đổ/ Có những bữa cơm láo xược, đế vương, thừa mứa/ Hỡi người thơ mái tóc bồng bềnh/ Người có nghe từ cuộc sống sớm chiều những tiếng lanh canh"*.

Ông phê phán bệnh xa dân, là nguy cơ của mọi nguy cơ: *"Gần dân hai tiếng gần dân/ Tưởng như bên nách bên thềm/ Bên da bên thịt/ Mà sao ngàn trùng xa cách/ Âm dương hai ngả tách rời"*.

Là nhà thơ trữ tình, ông tôn trọng và đề cao cảm xúc. Nhưng khi cần, ông sẵn sàng đem đến những triết luận sâu sắc cho thơ sau biết bao trải nghiệm từ đời sống: *"Trong muôn sai trái ở đời/ Thì giọt mồ hôi/ Ít phạm điều sai trái nhất" (Tâm sự đêm)*.

Ông quan niệm, đổi mới là con đường duy nhất để đưa sự nghiệp lên phía trước: *"Từ trong điệu vần khổ đau nhức nhối/ Ta đổi mới đời ta/ Ta đổi mới thơ ta/ Tiến lên và cùng hát/ Lương tâm đã chắn hết nẻo lui rồi" (Đường vào chân lí)*.

"Lương tâm đã chắn hết nẻo lui rồi", câu thơ của Lưu Trọng Lư cũng có nghĩa "Đổi mới hay là chết". Đổi mới là cả một sự nghiệp lớn, có được và có mất, có giằng xé rớm máu để tiến lên. Trước bao nhiêu choáng ngợp, có lúc bối rối, lại nhớ: Trong lúc ngổn ngang phức tạp nhất, rất cần phải trở về với những vấn đề cơ bản nhất. Vấn đề cơ bản nhất đối với thi sĩ Lưu Trọng Lư là một chữ Nhân. Đêm giao thừa năm 1988, Lưu Trọng Lư thức trắng với biết bao tâm sự: *"Không đủng đỉnh, không mơ hồ/ Biết cầm chắc những gì Tổ quốc trao đưa"*.

Và, trong giờ phút thiêng ấy, nhà thơ tuyên bố: *"Ta chỉ xin quỳ trước một chữ Nhân/ Cuộc giao ban trời đất"*.

Lỗ Tấn *cúi đầu làm ngựa cho nhi đồng*, Cao Bá Quát *cúi đầu trước hoa mai*, Lưu Trọng Lư *xin quỳ trước một chữ Nhân*.

Sống và viết vì một chữ Nhân ấy, đó là bài học lớn nhất mà Lưu Trọng Lư đã để lại cho chúng ta.

Nhà thơ, nhà báo Trần Tuấn, tên thật là Trần Ngọc Tuấn, sinh năm 1967 tại Hà Nội (quê gốc Tịnh Hoà, TP. Quảng Ngãi), là một cây bút đa tài trong cả lĩnh vực báo chí và văn học. Hiện anh là đại diện Báo *Tiền Phong* tại miền Trung, đồng thời là hội viên của Hội Nhà báo Việt Nam và Hội Nhà văn Đà Nẵng. Anh đã xuất bản nhiều tác phẩm thơ nổi bật: *Miền mây trắng* (1994), *Cầm gió* (1998), *Chậm hơn sự dừng lại* (2017). Đặc biệt, tập thơ *Ma thuật ngón* (2008) đã giúp anh đoạt giải Thơ Bách Việt lần thứ I/2009, khẳng định phong cách sáng tạo độc đáo và tinh thần khám phá không ngừng trong thơ ca. Bên cạnh đó, tản văn *Cà Mau quê xứ* của anh đã được chọn làm văn bản đọc trong SGK *Ngữ văn 11*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Trong số này, chúng tôi hân hạnh được trò chuyện cùng nhà thơ, nhà báo Trần Tuấn...

Gặp gỡ nhà thơ, nhà báo Trần Tuấn tác giả *Cà Mau quê xứ*



1. Anh sinh ra ở Hà Nội nhưng lại gắn bó mật thiết với mảnh đất miền Trung. Sự đa dạng về văn hoá và vùng miền này đã ảnh hưởng như thế nào đến cảm nhận cũng như cách anh thể hiện trong sáng tác văn chương và công việc báo chí của mình?

Nhà thơ Trần Tuấn: Tôi quê cha miền Trung, quê mẹ ở Hà Tây (cũ), sinh ra và lớn lên giữa phố phường Hà Nội, trưởng thành và sống gần hết đời người giữa nắng gió miền Trung. Tôi thấy may mắn khi có được điều như bạn nói, đó là "sự đa dạng về văn hoá và vùng miền". Trong tôi có sự quyết liệt đến cực đoan của miền Trung, vừa có ít nhiều sự hài hoà, nhã nhặn, nghe kĩ, nghĩ sâu của miền Bắc. Có lẽ, sự pha trộn này đã giúp ngòi bút của tôi thêm nhiều "màu sắc" chăng? Quyết

liệt, gan góc đi đến cùng sự thật, đấu tranh sống chết với mọi sai trái trong thể loại điều tra báo chí, đến những vỉa tầng nghĩ ngợi suy tư với thể loại bình luận, chính luận; và cũng dễ dàng thăng hoa trôi dạt trong tản văn, bút kí, kí sự,... Còn với thơ, tôi có cảm giác mọi điều trên được nén lại thành những vỉa tầng vô hình nào đó mà chính bản thân tôi mỗi khi cầm bút truy đuổi những câu thơ vẫn cảm thấy bất ngờ...

2. Trong vai trò Trưởng Văn phòng đại diện báo *Tiền Phong* tại miền Trung, công việc báo chí có tác động gì đến tư duy và quá trình sáng tác của anh?

Nhà thơ Trần Tuấn: Tôi không rõ các nhà báo khác làm thơ, viết truyện như thế nào, nhưng với tôi, báo và văn chương hoàn toàn riêng biệt. Có thể, chất "tự do" của một kẻ chuyên khoác ba lô lang thang, còn trong đầu thì luôn nghĩ ngợi săn tìm đề tài, câu chuyện,... mà không bị trói buộc vào bốn chân bàn cùng những công việc đều đều lặp lại như những công chức, cũng giúp nhiều cho việc tìm ra được các tứ thơ, cốt truyện, mạch truyện,... Nhưng nếu chỉ vậy, thì thơ có lẽ chỉ là những bài báo hay bản tin liên tục xuống dòng.

Báo của tôi nhiều khi khá đậm chất thơ. Nhưng tôi không làm báo trong thơ.

3. Anh đã xuất bản nhiều tập thơ như *Cầm gió* (1998), *Ma thuật ngón* (2008), và *Chậm hơn sự dừng lại* (2017). Hành trình tìm kiếm sự sáng tạo và đổi mới trong thơ của anh có những dấu ấn đặc biệt nào mà anh muốn chia sẻ?

Nhà thơ Trần Tuấn: Tôi thường không làm thơ ngay sau một sự kiện hay một luồng cảm xúc nào đó, cho dù chấn động đến đâu chăng nữa. Mà cứ để nó lặn sâu, mất hút nơi tối tăm bí ẩn vô hình nào đó, không biết ở trong hay ngoài mình, hay lơ lửng giữa tất cả.

Tôi biết, và thực tế với tôi luôn vậy, là rồi đến một lúc nào đó nó sẽ trỗi dậy, với một hình hài gương mặt và ngôn ngữ khác. Rất khác. Nhưng vẫn chính là "nó". Nó lấn át, chiếm đoạt tôi, cầm tù tôi, khiến tôi nhiều lúc không hiểu gì về "nó". Nhưng tôi và "nó" chính thức thuộc về nhau. Thuộc về nhau, trong mớ hỗn độn chủ nhân và nô lệ, bạn bè và đối nghịch. Nó là cai ngục, nhưng tôi lại cầm chìa khoá.

Ma thuật ngón hay *Chậm hơn sự dừng lại* không nằm trong một kế hoạch như khi triển khai làm báo. Thậm chí không phải là một nghệ thuật, không phải là một cuộc chơi chữ nghĩa, càng không phải là "đích đến". Mà đó là một cái gì đó "phải đến". Không thể khác được.

Có lẽ, vì vậy thơ tôi ít chạy theo cảm xúc nhất thời, mà chuộng hơn về sự suy tư ẩn mật mà nhiều khi bị cho là "khó hiểu".

4. Phong cách sáng tác của anh luôn toát lên khát khao đổi mới và khám phá. Điều gì đã giúp anh duy trì được nguồn cảm hứng sáng tạo suốt chặng đường sự nghiệp?

Nhà thơ Trần Tuấn: Bạn nói đúng. Tôi luôn khát khao đổi mới và khám phá những cái mới, cả về báo lẫn thơ. Tất cả những thứ viết ra, tôi đều tự đặt ra yêu cầu bắt buộc cho mình, đó là phải giàu chất "nghĩ", và giàu sự thăng hoa trong liên tưởng.

Nói về báo, ngoài mảng điều tra, phóng sự, kí sự, tuỳ bút, thì đến nay, đã gần 16 năm liên tục, tôi một mình giữ và viết chuyên mục "Chuyện cuối tuần" trên tờ *Tiền Phong Chủ nhật* (với bút danh Trí Quân). Nhiều khi nghĩ lại tôi cũng "sợ" cho độ "lì" của mình. Bởi suốt ngần ấy năm, với khoảng 750 bài bình luận/chính luận về mọi mặt đời sống đang diễn ra, nếu không duy trì được nguồn cảm hứng dồi dào, sức nghĩ bền bỉ và luôn phải mới mẻ, không lặp lại, thì chắc chắn đã buông bút từ lâu.

Với tôi, tất cả là tình yêu với sách vở, với con chữ, đam mê được khám phá vẻ đẹp và sức mạnh của ngôn từ, chạm được vào những vỉa tầng mới lạ của tư duy và cảm xúc. 35 năm làm báo, đã viết hàng ngàn bài báo, nhưng đến giờ mỗi buổi sáng, tôi vẫn tìm cách cầm lên tờ báo một cách sớm nhất, thích thú đọc và chiêm nghiệm lại từng con chữ của mình. Với tôi, trong những vẻ đẹp mà con người tạo ra, vẻ đẹp ngôn từ là trác tuyệt nhất.

5. Tản văn *Cà Mau quê xứ* nhận được nhiều sự quan tâm, đặc biệt từ các bạn học sinh. Điều gì đã thôi thúc anh viết về vùng đất này? Và chuyến đi thực tế tại Cà Mau đã để lại trong anh những ấn tượng gì sâu sắc nhất?

Nhà thơ Trần Tuấn: Đó là chuyến về miền Tây đầu tiên trong đời của tôi, cũng là chuyến đầu tiên đến Cà Mau. Khi đó tôi đã 39 tuổi, để đặt chân đến một nơi kì thú như Cà Mau ở tuổi ấy là hơi muộn. Những điều thôi thúc tôi đến với vùng đất này thì tôi đã viết trong *Cà Mau quê xứ* hết rồi. Còn ấn tượng mạnh, với tôi đó là ngôi nhà Số Một và những con người trong ngôi nhà đó, như tôi đã tả trong tác phẩm. Sau này, khi *Cà Mau quê xứ* vào sách giáo khoa, tôi liên tục nhận được điện thoại của bạn bè, người quen lẫn người lạ khi họ đang đứng ở Đất Mũi. Rằng đã không còn ngôi nhà Số Một nữa rồi, rằng tất cả đã thay đổi quá nhiều rồi... Nghĩa là tôi là một kẻ may mắn được bắt gặp, trải nghiệm và lưu lại một phần kí ức đặc biệt của vùng đất đặc biệt này, giúp các em học sinh có thể hình dung lại những gì của một thời đã trôi qua không trở lại.

6. Trong *Cà Mau quê xứ*, anh đã miêu tả hình ảnh thiên nhiên và con người miền Đất Mũi rất chân thực. Những cụm từ như *"cái nắng miệt mài"*, *"đọt phù sa"*,... được cho là mới mẻ nhưng lại rất phù hợp. Anh có thể chia sẻ thêm về cách anh sử dụng ngôn ngữ độc đáo này và vai trò của nó trong việc khắc hoạ đặc trưng của vùng đất Cà Mau?

Nhà thơ Trần Tuấn: Cà Mau là mảnh đất rất đặc biệt, là điểm cuối của hành trình mở cõi. Nhưng hành trình ấy vẫn chưa dừng lại, mà một cách thật tự nhiên vẫn âm thầm sinh nở, sinh sôi với những đọt phù sa tươi ròng mỗi ngày. Nên trong tác phẩm này, tôi luôn có ý thức sử dụng những ngôn ngữ mang tính tươi mới, những ngôn ngữ có khả năng sinh sôi thêm ngữ nghĩa mới. Để mong đạt đến những cảm xúc/hình ảnh/nhân vật/câu chuyện/liên tưởng... thật tươi mới và đầy sức sống. Mỗi câu chữ trong bài đều toát lên điều ấy. Cảm xúc/ngôn ngữ mang nhiều nét mới mẻ, miên man, chồng chất và trải dài như những "hạt phù sa ròng ròng tươi mới", như những thân đước vươn về mỗi bình minh,...

Tuy nhiên, dù hướng về cái tươi mới của hiện thực đời sống vùng đất này, thì cảm xúc của tác giả vẫn hài hoà với cái nền của truyền thống mà mỗi chúng ta cần chung tay nâng niu, gìn giữ. Đó là truyền thống, quá khứ đấu tranh của cha ông, những trang viết của thế hệ đi trước, là mảng mây nghìn tuổi, là một chữ "xứ" chứa đựng bao biến thiên theo chiều dài lịch sử, là những thế hệ rừng đước ngã xuống lại sinh sôi, là làn khói cay nồng của than đước Năm Căn...

7. Anh có thể chia sẻ thêm về sự tương đồng và khác biệt giữa cách viết tản văn trong *Cà Mau quê xứ* và cách anh thể hiện trong các tác phẩm thơ của mình không ạ?

Nhà thơ Trần Tuấn: *Cà Mau quê xứ* là một tác phẩm có sự giao thoa giữa tản văn và thể kí, thuộc loại hình báo chí, nên phải tuân thủ những nguyên tắc chung của thể loại. Đó là khách quan, cụ thể, chính xác người thật việc thật, phản ánh đúng bản chất của bối cảnh, câu chuyện và nhân vật.

Sự tương đồng của *Cà Mau quê xứ* với thơ, đó là thủ pháp dựng tứ, huy động trường liên tưởng, và đôi lúc biến hình ảnh trực quan trở thành những thi ảnh – loại nguyên liệu quen thuộc trong thơ. Trong *Cà Mau quê xứ* cũng như nhiều tản văn, bút kí khác, tôi cũng luôn chú trọng tính vần điệu và nhạc điệu, sự cân đối hài hoà của câu, chữ và dòng, tất nhiên là tiết chế để có thể tạo hiệu ứng đắt nhất. Cộng với việc dụng công về ngôn ngữ, hạn chế ngôn ngữ thông tấn. Điều đó phần nào

giúp *Cà Mau quê xứ* chuyển tải được câu chuyện và cảm xúc đến bạn đọc một cách nhẹ nhõm, thanh thoát theo những tầng bậc khác nhau.

8. Các chuyến đi thực tế dường như có ý nghĩa đặc biệt đối với sự nghiệp sáng tác của anh. Anh có thể chia sẻ với độc giả *Văn học và Tuổi trẻ* về những chuyến đi gần đây hoặc các dự định sáng tác sắp tới của anh ạ?

Nhà thơ Trần Tuấn: Nghề báo là nghề "đi", phải đi rất nhiều mới có cái để viết. Tôi cũng vậy. Nhưng có hơi khác một chút, đó là với tôi có hai loại "đi": Đi đến những nơi chốn bình thường để gặp gỡ, nắm bắt thực tế, khai thác tư liệu để viết báo, còn gọi là tác nghiệp; và đi về những "miền tâm tưởng". Cà Mau với tôi là một miền tâm tưởng như vậy. Nên tôi đã xác định là "đi chơi, thế thôi!". Không sổ tay, không ghi chép, không phỏng vấn... Và khi về nhà, phải vài tháng sau, khi hình ảnh, hương vị, nỗi nhớ nhung Cà Mau cứ dồn nén, tràn ứ trong tâm trí, tôi mới ngồi viết *Cà Mau quê xứ*, với tất cả những gì lưu giữ trong đầu. Viết một mạch.

Thật khó có thể kể hết những chuyến đi. Nhưng có chuyến đi rất lớn trong đời làm báo của tôi, đó là hai tuần tác nghiệp giữa Hoàng Sa vào mùa hè năm 2014. Trong chuyến hải hành dữ dội ấy, tôi nhớ mãi hình ảnh một cánh bướm màu trắng nhạt cứ chấp chới bay bên mạn tàu của chúng tôi. Giữa đại dương đang cồn cào sóng dữ, những cuộc rượt đuổi,... cánh bướm cứ nhẫn nại vỗ cánh. Hiệu ứng cánh bướm có lẽ khiến mọi thứ trở nên đặc biệt? Trong hai tuần ở Hoàng Sa, tôi viết loạt bút kí dài kì mang tên *Biển Đông kí sự*, cũng đã in trong cuốn *Uống cà phê trên đường của Vũ*.

Những lúc yên tĩnh, tôi mở sổ làm thơ, và cơ bản hoàn thành một trường ca. Đây là đoạn cuối *"...Một sớm mai bên mạn tàu tôi thấy dòng sông trôi ngang qua/ dòng sông miền Trung ngặt nghèo dốc dựng bị cắt vụn/ mỗi đoạn sông mang mấy cái tên/ đăm chiêu chảy giữa đại dương/ như bóng quen người làng quảy gánh/ người quảy gánh đi đến đâu cứ đi và đi/ từng giọt nước sẽ là dấu chân của hành trình bất tận/ mặc cho kẻ cướp rập rình/ ...Người đàn bà gánh gốm Việt lụa Việt đi trên biển cả/ nhẫn nại suốt nhiều thế kỉ/ lênh đênh phiên chợ ngàn năm/ sóng gió không thể nào xoá đi dấu vết..."*.

Với tôi, những chuyến đi vẫn tiếp tục...

Xin cảm ơn anh về những chia sẻ thú vị hôm nay. Chúc anh nhiều chuyến đi ý nghĩa và thêm nhiều tác phẩm mới.

Thuỳ Dương thực hiện

Nhà thơ Đoàn Vị Thượng (1959 – 2021), tên thật là Trần Quang Đoàn, sinh ra tại Huế, lớn lên ở Quảng Ngãi và sau đó định cư, lập nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Sau hơn 10 năm làm giáo viên Tiểu học, ông đã chuyển hướng làm báo và là nhà thơ có nhiều đóng góp đặc biệt cho lứa tuổi học trò. Đoàn Vị Thượng nổi tiếng từ rất sớm với những tác phẩm giàu cảm xúc, đặc biệt là bài thơ *Bụi phấn* – một sáng tác sâu lắng và tràn đầy suy tư, đã để lại dấu ấn trong lòng bao thế hệ học sinh.

Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, chúng ta cùng đọc bài thơ về thầy của một người thầy...

ĐIỆP KHÚC LỜI RU...

(Về bài thơ "Lời ru của thầy" của Đoàn Vị Thượng)

TS. Nguyễn Văn Ba

GV. Trường Trung học Vinschool The Harmony, Hà Nội

Ca dao có câu: "*Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy/ Nghĩ sao cho bõ những ngày ước ao*". Định đề này đã đặt ra mối quan hệ chặt chẽ giữa cha mẹ và thầy cô trong quá trình trưởng thành của mỗi con người. Cha mẹ *"cho ta một hình hài"*, thầy cô *"cho ta tri thức"*... Tưởng như vai trò ấy đã được phân định rõ ràng, nhưng thực tế, chúng ta lại thấy có sự hoà trộn đặc biệt. Người thầy không chỉ trao cho học trò tri thức mà còn truyền đạt cả những giá trị sống, giúp các em xây dựng ước mơ và trưởng thành từng ngày. Bài thơ *Lời ru của thầy* (Đoàn Vị Thượng) là một minh chứng sinh động cho sự hoà trộn ấy qua hình tượng lời ru và qua cấu tứ độc đáo...

LỜI RU VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐỜI

Người đọc dễ nhận thấy bài thơ được xây dựng theo cấu trúc tuần hoàn, với hình ảnh lời ru xuất hiện từ đầu đến cuối, gắn kết chặt chẽ với hình ảnh người thầy. Từ đó, lời ru trở thành biểu tượng trung tâm, đại diện cho sự chăm sóc, dìu dắt, truyền đạt tri thức và tình yêu thương của người thầy dành cho học sinh. Bài thơ cũng được chia thành các khúc nhỏ tương ứng với các giai đoạn trong hành trình dạy học và trưởng thành của học trò. Từ khi bắt đầu tuổi lên ba, cho đến lúc học trò lớn lên và người thầy dần già đi,... Hành trình này như một dòng chảy thời gian liên hoàn của quá trình giáo dục và của đời người.

Lời ru của thầy

Mỗi nghề có một lời ru
Dở hay thầy cũng chọn ru khúc này
Lời ru của gió màu mây
Con sông của mẹ đường cày của cha

Bắt đầu cái tuổi lên ba
Thầy ru điệp khúc quê nhà cho em
Yêu rồi cũng nhớ yêu thêm
Tình yêu chẳng có bậc thềm cuối đâu!

Thầy không ru đủ nghìn câu
Biết con chữ cũng đứng sau cuộc đời
Tuổi thơ em có một thời
Ước mơ thì rộng như trời, ngàn năm

Như ru ánh lửa trong hồn
Cái hoa trong lá, cái mầm trong cây
Thầy ru hết cả mê say
Mong cho trọn ước mơ đầy của em.

Mẹ ru em ngủ tròn đêm
Thầy ru khi mặt trời lên mỗi ngày
Trong em hạt chữ xếp dày
Đừng quên mẹ vẫn lo gầy hạt cơm

Từ trong vòm mát ngôi trường
Xin lời ru được dẫn đường em đi
(Con đường thầy ngỡ đôi khi
Tuổi thơ lăn một vòng bi tới rồi!)

Hẳn là thầy cũng già thôi
Hoá thân vào mỗi cuộc đời các em
Thì dù phấn trắng bảng đen
Hành trang ấy đủ thầy đem theo mình.



Bài thơ mở đầu bằng một thực tế: *"Mỗi nghề có một lời ru"* và kết thúc bằng sự hoá thân của người thầy vào cuộc đời các học trò, gợi lên một quá trình giáo dục liên tục và không ngừng nghỉ. Ở đây, hình ảnh *"lời ru"* là một cách nói ẩn dụ cho những cách thức tác động khác nhau đến với mỗi con người, mỗi công việc. Người thầy nhận thấy rất rõ sự khác biệt ấy để "định vị" lời ru của mình trong mối quan hệ rộng hơn: *"Lời ru của gió màu mây/ Con sông của mẹ đường cày của cha"*. Từ đó, lời ru của thầy ngân nga trong từng giai đoạn cuộc đời của mỗi học trò.

Khi em còn mới ở tuổi lên ba, *"Thầy ru điệp khúc quê nhà cho em"*. Khi em còn ấu thơ, thời điểm có lẽ chủ yếu gắn liền với gia đình, với quê hương, thầy đã gửi gắm trong lời ru những mong cầu bình yên, hạnh phúc cho em ngay chính ở quê nhà. *"Điệp khúc quê nhà"* chính là tình yêu đối với quê hương – nơi khởi đầu những tình cảm thiêng liêng, lớn lao đối với mỗi người, nơi cho chúng ta tuổi thơ với bao kỉ niệm không thể nào quên. Nhà thơ cũng không quên nhắc nhở: *"Tình yêu chẳng có bậc thềm cuối đâu!"*. Rõ ràng, sự khởi đầu của lời ru, đồng thời cũng là diễn tiến tình cảm của con người, mang đến một sự gợi mở thú vị cho bạn đọc. Từ đó, ý thơ phát triển một cách tự nhiên: *"Thầy ru hết cả mê say/ Mong cho trọn ước mơ đầy của em"*.

Lời ru của thầy không chỉ nói về những việc bình dị, gần gũi *"Như ru ánh lửa trong hồn/ Cái hoa trong lá, cái mầm trong cây"*, mà còn thể hiện những khát khao, ước mơ mà thầy gửi gắm cho học trò. Câu thơ *"Tuổi thơ em có một thời/ Ước mơ thì rộng như trời, ngàn năm"* cho thấy thầy không chỉ dạy học sinh kiến thức mà còn khơi dậy ở các em những ước mơ lớn lao, những bầu trời rộng mở. Ước mơ ấy, lí tưởng ấy được cất cánh từ chính ngôi trường em từng học: *"Từ trong vòm mát ngôi trường/ Xin lời ru được dẫn đường em đi"*. Từ nơi khởi đầu ấy, biết bao thế hệ học trò đã lên đường và trưởng thành; biết bao cuộc đời mới đã được định hình như những thành quả ngọt ngào của giáo dục, của công ơn thầy cô.

LỜI RU VÀ SỰ SONG HÀNH THẦY – MẸ

Lời ru và người thầy đã song hành trong những chặng đường trưởng thành của con. Nhưng thầy cũng biết rằng, trong hành trình ấy, đâu chỉ có tri thức mà còn bao điều khác nữa tác động đến mỗi con người. Vì thế, thầy chân thành bày tỏ: *"Thầy không ru đủ nghìn câu/ Biết con chữ cũng đứng sau cuộc đời"*. Hình ảnh thơ mang tính tượng trưng cho hai không gian quan trọng ảnh hưởng tới mỗi con người: không gian nhà trường (*con chữ*) và không gian gia đình, xã hội (*cuộc đời*). Hiển

Nếu như mẹ ru con trong sự an lành, ấm áp, giúp con có những giấc ngủ bình yên, thì thầy ru con bằng tri thức mỗi ngày, khi mặt trời lên. Sự song hành giữa "đêm" và "ngày", giữa "hạt chữ" và "hạt cơm" tạo nên sự bổ sung hài hoà giữa cha mẹ và thầy cô, đồng thời tạo dựng hai hình ảnh mang tính biểu tượng cao đẹp: cha mẹ và thầy cô.

nhiên, thầy biết rằng tri thức là vô cùng nhưng cái quan trọng hơn cả là cuộc đời, là sự trải nghiệm, là sự nuôi nấng từ gia đình và môi trường xã hội. Từ ý niệm giản dị và có phần khiêm tốn ấy, nhà thơ đã liên tưởng đến người mẹ, tạo nên một sự song hành đặc biệt trong cấu trúc lời ru:

Mẹ ru em ngủ tròn đêm
Thầy ru khi mặt trời lên mỗi ngày.
Trong em hạt chữ xếp dày
Đừng quên mẹ vẫn lo gầy hạt cơm

Nếu như mẹ ru con trong sự an lành, ấm áp, giúp con có những giấc ngủ bình yên, thì thầy ru con bằng tri thức mỗi ngày, khi mặt trời lên. Sự song hành giữa *"đêm"* và *"ngày"*, giữa *"hạt chữ"* và *"hạt cơm"* tạo nên sự bổ sung hài hoà giữa cha mẹ và thầy cô, đồng thời tạo dựng hai hình ảnh mang tính biểu tượng cao đẹp: cha mẹ và thầy cô. Cả mẹ và thầy đều có vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng và phát triển toàn diện của mỗi con người. Theo ý thơ, dù con có học hành được nhiều điều, có nhiều hiểu biết, rồi sau này có trưởng thành thì hãy nhớ rằng, ngoài kia, cha mẹ vẫn miệt mài chăm lo cho cuộc sống của con. Điều này cũng làm nổi bật một thông điệp sâu sắc: để học sinh có thể trưởng thành không chỉ cần tri thức mà còn cần có sự yêu thương, chăm sóc từ gia đình, từ những người thân yêu như cha mẹ. Mỗi lời ru của cha mẹ, mỗi bài học của thầy cô đều là những yếu tố không thể thiếu trên hành trình trưởng thành của con người.

LỜI RU VÀ SỰ HOÁ THÂN KÌ DIỆU

Một trong những điều làm nên sức hấp dẫn của bài thơ này là sự vận động của hình ảnh thơ, là sự cụ thể hoá, hữu hình hoá lời ru và tình yêu thương. Bài thơ bắt đầu với những khái niệm trừu tượng như lời ru, tình yêu quê hương, tri thức, sau đó chuyển sang những hình ảnh cụ thể hơn như *"phấn trắng, bảng đen"*, *"hạt cơm"* và *"con đường"*. Sự phát triển này giúp người đọc dễ dàng cảm nhận được tấm lòng của người thầy từ khía cạnh tri thức đến cuộc đời. Sự vận động này giúp

bài thơ vừa có chiều sâu trong hình ảnh, cảm xúc, vừa tạo được mối liên hệ mật thiết giữa kiến thức, giữa tình cảm với cuộc sống thực tế của con người.

Cũng nằm trong sự vận động của hình tượng thơ, ta sẽ thấy, điều đặc biệt nhất là ở sự hoá thân thầm lặng của người thầy vào mỗi cuộc đời học sinh. Thầy đã đồng hành cùng các em từ "thuở một hai", thầy đã nâng niu và chắp cánh cho biết bao ước mơ được bay cao, bay xa. Giờ đây, trong phút giây chiêm nghiệm, thầy cảm thấy mình đã có sự hoá thân đặc biệt:

Hẳn là thầy cũng già thôi
Hoá thân vào mỗi cuộc đời các em.
Thì dù phấn trắng bảng đen
Hành trang ấy đủ thầy đem theo mình.

Người thầy không cần sự vinh danh hay lời khen ngợi, bởi sự trưởng thành của học trò chính là thành tựu lớn nhất của thầy. Hạnh phúc mà mỗi học trò có được cũng chính là hạnh phúc của thầy. Do đó, những hình ảnh "*phấn trắng, bảng đen*" – những vật dụng quen thuộc trong nghề giáo – cũng trở thành hành trang mà thầy mang theo suốt đời. Người thầy không chỉ để lại dấu ấn qua những trang giáo án, những bài giảng, mà còn qua mỗi cuộc đời học sinh do thầy từng dìu dắt. Sự hoá thân này chính là biểu tượng cho sự cống hiến thầm lặng và sự trường tồn của tri thức và của chính người thầy. Bài thơ là lời khẳng định những tình cảm chân thành và cả những cống hiến thầm lặng của thầy dành cho các em học sinh. Cuộc sống có thể đổi thay, quan điểm giáo dục cũng có thể đổi thay, nhưng những tình cảm chân thành và những khát khao mãnh liệt về sự trưởng thành của học sinh luôn là suy niệm thiêng liêng trong tâm khảm của mỗi người thầy chân chính.

Lời ru của thầy được tổ chức một cách khéo léo với những hình ảnh thơ giản dị, giàu sức biểu cảm. Cảm xúc thơ từ những cái vô hình, trừu tượng được cụ thể hoá thành những vật dụng gắn bó mật thiết với cuộc sống con người. Bài thơ không chỉ đơn thuần là một lời ca ngợi người thầy mà còn tạo nên một sự gắn kết hài hoà giữa các yếu tố giáo dục và tình cảm gia đình, giữa thực tế cuộc sống và khát vọng của con người. *Lời ru của thầy,* do đó đã để lại nhiều dư âm trong lòng độc giả, nhất là những trái tim học trò. Chúng ta biết ơn những người thầy, biết ơn những cống hiến thầm lặng, để từ đó vững bước hơn trên từng chặng đường đời, và biết đâu, trong một ngày nào đó, chúng ta trở thành những người thầy của các thế hệ học trò mai sau...

Tiếng gọi tin yêu giữa những *Chiều biên giới*

TS. Đỗ Thu Huyền

Văn học Việt Nam hiện đại có hàng ngàn tác phẩm nói về niềm tin yêu, lạc quan giữa những tháng ngày bom đạn, nhưng *Chiều biên giới* của Lò Ngân Sủn rung động lòng người theo một cách rất riêng. Thi phẩm này được viết nên bởi một thi sĩ "làm việc bằng cái đầu, sống bằng thơ và bay lên bằng mơ ước".

Lò Ngân Sủn là người làm thơ mang đến sự độc đáo từ vốn văn hoá và đời sống sinh hoạt của dân tộc mình, nhưng không lệ thuộc vào nó. Đặc trưng nổi bật nhất của thơ Lò Ngân Sủn là lối tư duy trực cảm và cách diễn tả đậm tính tạo hình. Truyền thống và vốn văn nghệ dân gian đem lại cho ông ngôn ngữ, hình ảnh; đời sống con người quê hương cho ông đề tài... nhưng cái bản năng thi sĩ mới là điều cốt tử tạo nên phong cách Lò Ngân Sủn. Ông là nhà thơ của cảnh sắc vùng cao, của những chợ phiên, của tình yêu nơi "*Mênh mông là đất là trời/ Trập trùng là núi là đồi là cây*" (*Lục bát vùng cao*), với nhiều câu thơ hay đến ngỡ ngàng. Ông đem những điều trông thấy và những điều mình yêu mến kể cho mọi người nghe như một định nghĩa về vùng núi cao quê hương:

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới được sáng tác năm 1980, là một thi phẩm độc đáo về tình yêu quê hương, đất nước. Bài thơ phác hoạ một cách hoàn mĩ bức tranh thiên nhiên vùng cao tuyệt đẹp và khéo léo thể hiện tình yêu đất nước, tình yêu đôi lứa một cách sâu sắc mà tinh tế. Nhan đề "*Chiều biên giới*" đã xác định được thời gian và không gian bao trùm bài thơ. Thời gian buổi chiều, gắn với không gian biên giới, kết hợp lại, mở ra một miền biên viễn xa xôi nhưng cũng gợi lên được ấn tượng về núi non

trùng điệp, hùng vĩ. Ở đó, mọi cung bậc cảm xúc nảy nở, hoà kết giữa những tình cảm yêu thương.

CẤU TRÚC LẶP VÀ MÀU SẮC ĐỐI THOẠI

Bài thơ tạo được tính sinh động, vẫy gọi sự tương tác, bắt đầu một phần từ cấu trúc mang tính lặp lại và có bóng dáng của đối thoại qua câu thơ xuyên suốt: *"Chiều biên giới em ơi"*. Cấu trúc này đã tạo nên tính nhạc mê say cho bài thơ. Đó như là cách để Lò Ngân Sủn tạo nên những nhịp mạnh trong dòng cảm xúc, bởi sự lặp như một đặc trưng căn bản nhất của tính trữ tình trong thơ. Nhờ thế, cảm xúc bài thơ có sự liền mạch, cho phép nhân vật trữ tình chuyển từ sự say mê cảnh sắc sang nỗi niềm da diết gắn bó với quê hương. Cấu trúc điệp này mang hình dáng một lời gọi đáp của nhân vật trữ tình dành cho "em". Từ những lời gọi đó, lần lượt các khung cảnh, đặc điểm, tính chất, ước vọng, tình cảm... được "gọi ra", "gọi tên" cụ thể.

Khổ thơ đầu là một chiều biên giới "xanh" hiện ra vừa mơ vừa thực; vừa sống động, hữu hình nhưng cũng rất lãng mạn, nên thơ. Quang cảnh mùa xuân nơi biên giới hiện lên qua những hình ảnh sinh động: *"tiếng chim hót gọi"*, *"chồi non cỏ biếc"*, *"rừng cây của lá"*. Biện pháp so sánh thể hiện sự tinh tế và tình cảm sâu sắc của tác giả đối với thiên nhiên quê hương. Câu hỏi tu từ để khẳng định *"Có nơi nào xanh hơn"*, và để dẫn dụ độc giả, hay người em (*em ơi*) đến với một không gian khác, thuộc về tâm tưởng, thuộc về chốn riêng tư của hai tâm hồn. Cơn cớ ấy giúp khổ thơ thứ hai mang đến độ "cao", làm nên nét đặc trưng của buổi chiều biên giới với sông suối, mây gió, đất trời biên cương.

Khổ thơ thứ ba và thứ tư thể hiện niềm tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên và công cuộc dựng xây của con người nơi vùng biên giới. Biên cương Tổ quốc trở nên vô cùng thiêng liêng và trong sáng với nước non hùng vĩ, hương thơm, sắc màu,... Đặc biệt, sự đổi thay dù giản dị nhưng hết sức có ý nghĩa, hết sức thiết thực với cuộc sống vùng cao. Niềm vui khi buôn làng có điện, có cuộc sống ấm no được diễn tả vẫn bằng cách so sánh, bằng kiểu liên hệ thẳng theo đúng lối tư duy của người miền núi: *"tiếng máy gọi"* như *"tiếng cuộc đời"*, "*lòng người*" hay "*nông trường*" đều có thể hiểu là rộng mênh mông như đất trời. Lời thơ giản dị nhưng ý thơ gợi sự khoáng đạt, bao la. Cái sự "*mênh mông*" ấy, tăng sức biểu đạt cho cả đoạn thơ.

Cấu trúc lặp và cách gọi "*em ơi*" là đặc trưng của bài thơ, và mang đến nhiều cách hiểu. Thoạt tiên, "*chiều biên giới*" như một địa danh mà nhân vật trữ tình muốn khoe với "em", gọi để bày biện ra đó những cảnh sắc: em ơi biên giới mình xanh chồi biếc, cao trời mây và cảnh

đẹp... Nhưng cấu trúc ngắt nhịp của câu thơ cũng có thể tạo nên một ẩn ý rằng, chiều biên giới đã được nhân hoá để trở thành một đối tượng mà nhân vật trữ tình gọi một cách trìu mến là *"em ơi"*. Về điều này, độc giả dễ liên tưởng tới một tứ thơ của Nguyễn Đình Thi trong bài thơ *Lá đỏ* (*Ngữ văn 8*, tập hai, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*): *"Em đứng bên đường như quê hương"*, *"vai áo bạc"*... hay chính em là quê hương. Tương tự, với Lò Ngân Sủn, *"em ơi"* là biên cương Tổ quốc, là đất trời vời vợi mênh mông.

THẾ GIỚI HÌNH ẢNH VÀ CẤU TRÚC VÒNG TRÒN...

Bài thơ *Chiều biên giới* thú vị không chỉ ở cấu trúc lặp có thể dễ dàng quan sát, mà còn ở những hình ảnh được "trưng bày" dày đặc qua một lối diễn tả mộc mạc, mà không kém phần nên thơ. Bên cạnh sự rạo rực, nhiệt thành, thơ Lò Ngân Sủn mang đến cảm giác mát lành, trong trẻo của những con người dân tộc thiểu số gắn bó sâu sắc với thiên nhiên. Nó đến từ cách nhà thơ cảm nhận và bộc bạch với cuộc đời này:

Lòng ta thầm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông.

Quê hương là chiếc nôi nuôi dưỡng hồn thơ Lò Ngân Sủn, trở thành một đề tài quen thuộc, xuyên suốt trong thơ ca của ông. Với những sáng tác về đề tài này, Lò Ngân Sủn thường sử dụng lối so sánh "như", đem đến một cách viết đặc trưng, tạo nên nét riêng biệt với lối viết đầy tính trực cảm. Dù sử dụng đến mức quen thuộc nhưng ở mỗi bài thơ, cách so sánh ấy vẫn được Lò Ngân Sủn phát huy được hiệu quả thẩm mĩ. Với *Chiều biên giới*, đó là cách so sánh giàu hình ảnh:

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió
Như quê ta – ngọn núi
Như đất trời biên cương.

Và như vậy, bài thơ còn có cấu trúc vòng tròn khi đi một hành trình

từ *"Như tình yêu đôi ta"* đến *"Đôi ta cùng chiến hào"*. Lúc này, cái riêng hoà với cái chung, cái cá nhân không đi ngược lại với cái cái ta rộng lớn. Đặc biệt là nhiệm vụ thiêng liêng được gắn bó với tình yêu đôi lứa, tiếp thêm sức mạnh cho chiến đấu. Cùng chiến hào, nghe sông chảy xiết, thác đổ... Hùng vĩ đấy, nhưng cũng là sự dữ dội ẩn chứa, báo trước những hiểm nguy. Hoàn cảnh ấy không đoán định được ngày mai ra sao, nhưng cái đáng quý và đáng kể nhất còn lại vẫn là tinh thần của con người. Thác cứ đổ, sông cứ chảy xiết, nhưng tâm hồn con người vẫn toát lên sự mát lành, tự tại:

Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương

Ý thơ này hơn một lần được Lò Ngân Sủn khai thác. Theo quan niệm của ông, ngọn nguồn để có thơ là sự bùng cháy những xúc cảm, giữ "nhiệt" cho trái tim luôn ấm nóng trong mùa đông, tươi mát trong ngày hè: *"Chúng tôi/ Những người con của núi/ Sống ào ào như thác đổ/ Sống dữ dội như lốc cuốn/ Quanh năm vốc nước suối rửa mặt/ Quanh năm thắp ngọn lửa làm mặt trời sưởi ấm/ Những người con của núi/ Dù ở đâu vẫn nhận ra nhau/ Đã vui – như chim hót/ Đã cười – tươi như hoa/ Đã buồn – im như đá/ Cả dáng hình cũng là dáng hình của núi (Những người con của núi)*. Với nhà thơ, quê hương là đề tài, là nguồn cội và còn mang lại lớp nghĩa vô tận. Ông có triết lí rất hay về người Giáy. Họ như một chiếc lá trên cái cây đất nước. Triết lí khiêm tốn mà cũng là một sự khẳng định đầy tự hào. Những câu thơ sâu lắng nhất, mát lành nhất của Lò Ngân Sủn luôn là những vần thơ về quê hương, về dân tộc Giáy bé nhỏ: *"Người mình mùn thớt* đấy thôi/ Thế gian nào biết có người mình đâu/ Mình đau – cái tiếng cũng đau/ Mình buồn – cái tiếng cũng sầu như mưa/ Từ xưa, từ xửa, từ xưa/ Người mình – chiếc lá héo khô giữa rừng"* (*Người mình*).

Mở rộng đôi chút với những sáng tác khác của Lò Ngân Sủn, có thể thấy, đề tài trong thơ ông là tình yêu, là quê hương đẹp tươi và những miền đất ân tình; là con người trong trạng thái hạnh phúc hoặc đang khát khao hạnh phúc và tận hiến. Yếu tố trội lên trên hết trong thơ Lò Ngân Sủn là sự nhiệt thành với cuộc sống. Lò Ngân Sủn là người làm thơ về tình yêu nhiều bậc nhất trong những nhà thơ dân tộc thiểu

---

* Theo *Sự tích về sự ra đời của các dân tộc Việt Nam* (dẫn theo *Tuyển tập thơ Lò Ngân Sủn*, NXB Văn học, 2013), khi sinh ra một bọc thịt, hai vợ chồng (hai người còn sống sót lấy nhau) đã băm nhỏ bọc thịt đó rồi đem rắc nhỏ khắp nơi, rắc lên núi cao thành người H'Mông, Dao; rắc vào thung lũng thành người Việt;... cuối cùng cạo nốt mùn thớt rồi đem rắc dọc sông Hồng thì thành người Giáy, nên mới có câu "Giáy mùn thớt" là vì thế.



số. Thành công của thơ tình Lò Ngân Sủn đến từ cách biểu hiện một tình yêu thuần khiết, không vướng vào bất cứ một lệ thuộc nào dù nhỏ nhất. Mọi yếu tố tưởng như cách trở bởi thời gian, không gian, mối quan hệ ràng buộc chồng – vợ... đều vô nghĩa, đều được hoá giải bởi tình yêu hồn nhiên đến tuyệt đích. Tình yêu được ông định nghĩa: *Tình yêu/ Như cái chảo thắng cố/ Ăn vào no lảo đảo./ Tình yêu/ Như cái chum đựng rượu/ Uống vào say ngả nghiêng (Động đất, động trời),* và thú vị nhất vẫn là những say đắm, hồn nhiên của: *"Lần đầu tiên/ Đi bên một người con gái/ Chân tôi run run/ Tay tôi run run/ Môi tôi run run/ Hơi thở tôi run run/ Lời nói tôi run run/ Cả người tôi run run" (Lần đầu tiên).*

Lò Ngân Sủn được mệnh danh là "nhà thơ của bản làng". Thơ ông gắn liền với những quang cảnh thiên nhiên vùng núi, về những con người nơi biên cương gió lộng. Từ những sáng tác đầu tay cho đến những sáng tác cuối cùng, Lò Ngân Sủn chưa bao giờ ngừng tắt những xúc cảm trước cuộc đời bởi thơ như một cứu cánh cho tâm hồn khát khao yêu sự sống. Đồng cảm với những xúc cảm đẹp của khúc tình ca về thiên nhiên và cuộc sống nơi vùng biên giới, nhạc sĩ Trần Chung đã phổ nhạc cho bài thơ *Chiều biên giới* thành ca khúc cùng tên. Âm nhạc chắp cánh cho lời thơ bay bổng, tiếng lòng thiết tha với quê hương, đất nước tạo được sự yêu mến. Đến nay, *Chiều biên giới* vẫn là một khúc ca đẹp đi cùng năm tháng.

Tình thế lưỡng phân trong trò chơi "Dải băng che mắt"

(Về văn bản *Bài hát đồng sáu xu* của Agatha Christie, SGK *Ngữ văn 9*, tập hai, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

ThS. Nguyễn Phước Bảo Khôi
GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

"DẢI BĂNG" THÔNG TIN HỒNG "CHE MẮT" NGƯỜI CHƠI

Đến với truyện trinh thám, người đọc bị cuốn vào một trò chơi phức hợp (thử thách cả về trí tuệ lẫn ngôn từ) đầy hấp dẫn. Dẫu biết chắc thám tử/ người điều tra sẽ thắng trong trò chơi trí tuệ này nhưng chẳng ai ngăn được độc giả chạy đua cùng họ trong hành trình tìm ra sự thật. Song hành cùng luật sư Edward – người được nhờ điều tra vụ án, chúng ta tham gia vào trò chơi mang tên "dải băng che mắt". Cuộc chơi mở ra, trong vai Edward ẩn thân, chúng ta thu về cho mình bảng ghi chép sau như tất cả người làm công tác điều tra sẽ phải thực hiện:

Thông tin có sẵn về vụ án	Thông tin điều tra được
1. Người nhờ điều tra án: Magdelen Vaughan. **2. Nạn nhân:** bà lão Lily Crabtree. **3. Người đầu tiên phát hiện nạn nhân:** bà giúp việc Martha. **4. Hiện trường vụ án:** Tất cả các cửa sổ đều được cài then bên trong và dường như không có dấu hiệu nào của việc đột nhập.	**1. Nghi phạm có biểu hiện lạ:** Matthew Vaughan. a. Hành động: vội bỏ đi khỏi nhà vì có cuộc hẹn. b. Lời nói: *"cứ nói đi nói lại cái chuyện khốn nạn đó liệu có ích gì"*, *"chán lắm"* vì *"đã làm đủ thứ với cảnh sát rồi"*. **2. Lời khai của người đầu tiên phát hiện nạn nhân:** a. Thông tin về nạn nhân: – Đánh giá: một người chủ *"khó tính nhưng nhân từ"*, *"cầu kì nhưng là một người phụ nữ độ lượng"*.

5. Hung khí: cái chặn giấy đã được lau sạch dấu vân tay. **6. Nghi phạm:** những người đang ở cùng nạn nhân. a. Vợ chồng người cháu trai của nạn nhân: William Crabtree và Emily Crabtree. b. Cặp song sinh Magdelen Vaughan và Matthew Vaughan vốn là cháu nội của em gái nạn nhân. **7. Động cơ gây án của các nghi phạm:** a. Emily Crabtree đã cãi nhau rất căng thẳng với nạn nhân, nạn nhân đòi đuổi hai vợ chồng William và Emily ra khỏi nhà. b. Nạn nhân không muốn cho Magdelen Vaughan trở thành người mẫu, khiến cô này muốn dọn ra khỏi nhà. c. Matthew Vaughan đang nợ rất nhiều tiền, nhưng giờ đã ổn do có số tiền thừa kế từ nạn nhân.	– Những hành động trước khi bị hại: nhận sổ sách biên nhận và một ít tiền lẻ, than phiền về một đồng 6 xu mới mà theo bà là *"xấu quá"*. – Vật dụng quen thuộc: *"một chiếc túi nhung màu đen"* luôn mang theo bên mình. – Tình cảm của bản thân dành cho nạn nhân: yêu mến, kính trọng sâu sắc, đến mức *"Ví thử chết thay bà... nói thật là tôi cũng sẽ làm"*. b. Thông tin về hiện trường vụ án: – Chỉ có một cánh cửa duy nhất để vào nhà và chuông bên trong không hề kêu. – Không có ai đi xuống cầu thang, bởi không nghe thấy tiếng cót két *"mỗi khi có người lên xuống"*. c. Thông tin về các nghi phạm: – Mỗi người đều đang bận việc riêng: Emily Crabtree *"ngủ trên giường"*, William Crabtree *"đang nghịch mấy con tem chết tiệt"*, Magdelen Vaughan *"đang may váy"*, Matthew Vaughan với *"tiếng đánh máy của cậu ấy không hề dừng một giây"*. – Khẳng định họ không phải là thủ phạm: *"Không ai trong số họ làm đâu, thưa ngài. Tôi biết ngài đang nghĩ gì, nhưng chuyện không phải thế. Một nhóm phụ nữ và quý ông tử tế mà người ta ao ước được gặp đấy ạ."*.

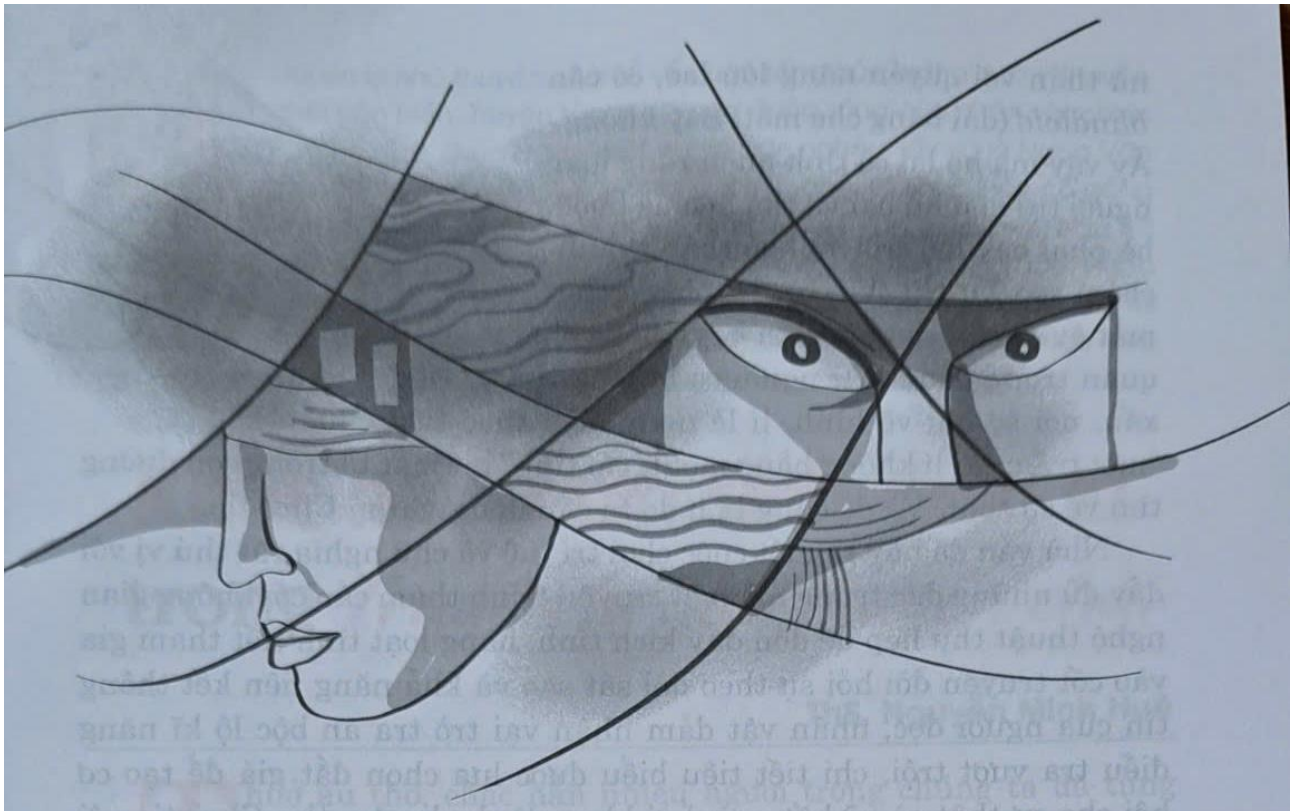
Luật chơi rất đơn giản: phát hiện thông tin quan trọng, kết nối tốt thông tin sẽ tìm ra phần thưởng – sự thật. Ấy vậy mà sau kết quả làm việc trên thì điều mà chúng ta lẫn luật sư Edward thu về chỉ là một mê cung thông tin khi người "che mắt" người bằng "dải băng" tình tiết dày đặc, chất chồng. Bà giúp việc Martha – host của trò chơi – với tất cả sự thành thật của mình, từ biểu hiện, thái độ đến lời nói – bỗng cho ta thấy cuộc chơi này quả không dễ dàng. Tất cả những chứng cứ có được

chẳng đủ để đưa đến kết luận, không gian thu hẹp nơi căn nhà hiện trường đang rất sáng rõ bỗng mịt mù rộng mở bao khả năng, những nghi phạm ban đầu nhiều khả năng không còn là nghi phạm. Dẫu vậy, nếu có "lạt mềm buộc chặt" tất sẽ có "cố siết lại dễ bung"; ngỡ buộc kĩ "dải băng", có ngờ đâu vải thưa sao "che mắt" sắc tinh của người chơi nhiều động lực!

KẺ HỞ CỦA VIỆC CỐ "CHE MẮT" NGƯỜI HAY LÀ SỰ ĐỔI VAI TRONG TRÒ CHƠI

Người đọc nếu tinh ý sẽ thấy câu hỏi *"Bà là người cuối cùng thấy bà ấy, đúng không?"* mà luật sư Edward đặt ra cho bà giúp việc Martha được lặp lại hai lần. Mấu chốt sự việc nằm trong chính lời khai của bà ấy. Khi cung cấp thông tin về hiện trường vụ án (tiếng chuông ở trong nhà không kêu, tiếng cót két của cầu thang không nghe thấy), nhân chứng duy nhất phát hiện ra nạn nhân đã khẳng định thủ phạm không thể đột nhập vào nhà từ bên ngoài cũng như không thể là người trong nhà. Rõ ràng, mọi nghi vấn của Edward sẽ tập trung vào nhân chứng này. Và sự đổi vai trong trò chơi bắt đầu.

Luật sư điều tra với thế mạnh là những câu hỏi xoáy, cần đáp nhanh, đã buộc nhân chứng duy nhất này phải nhường lại vai trò chủ động cho mình trong cuộc chơi, khiến họ chuyển từ sự khẳng định chắc chắn sang bất ngờ, rồi ngập ngừng khó nói. Chính thái độ ấy đã khiến người điều tra dấy lên nhiều thắc mắc: *"Rõ ràng là bà rất bất ngờ. Bà không thể chối bỏ dù rất muốn. Tại sao thế? Bởi vì bà biết sự thật nằm ở chỗ khác. Phải thế không nhỉ? Bốn người trong một nhà... một trong số họ là kẻ có tội? Có phải Martha muốn che giấu kẻ có tội đó không? Cầu thang đã kêu cót két ư? Có ai đó đã lén lút đi xuống và bà Martha có biết người đó là ai không?"*. Dẫu vẫn tin Martha là người chân thật, song mối nghi ngờ về điều bà đang cố che giấu dần dần tăng lên. Chúng ta đều biết, trong truyện trinh thám, lợi thế của những người tra án là khả năng quan sát tinh tường cùng tư duy phân tích, suy luận sắc bén. Thu nhặt thông tin cũng chưa thể quan trọng bằng việc tổng hợp và kết nối thông tin. Bài đồng dao cổ chợt vang trong tâm trí luật sư Edward khi vô tình nhìn thấy biển hiệu *"Hai Tư Chú Sáo Đen"*, điều này giúp Edward phát hiện điều bản thân đã bỏ sót. Để hạ màn cuộc chơi và giành chiến thắng, Edward hé lộ với bà giúp việc Martha về sự vắng mặt của một chi tiết góp phần làm lộ mặt thủ phạm (đồng 6 xu mới mà nạn nhân từng than phiền), sau là một chi tiết liên quan đến hành trạng của thủ phạm (*một bài thơ in vớ vẩn về những người thất nghiệp*), và cuối cùng là tung đòn tâm lí hạ gục Martha với câu nói: *"Kết thúc trò chơi rồi, Martha... bà*



thấy đấy, tôi biết hết. Có lẽ bà nên nói cho tôi biết mọi chuyện.”. Chúng ta hoàn toàn có thể đặt giả thuyết rằng, khi nói câu ấy với Martha, Edward chỉ biết bà đang che giấu điều gì đó mà ông cần tiếp tục khai thác. Thế nhưng, với câu nói ấy, người tra án đã cho ta thấy sự sắc sảo của mình khi đánh vào sự chân thật mà ông cảm nhận được từ bà Martha. Người đàn bà tội nghiệp ấy đã không đủ gian dối, thiếu cả thủ đoạn nên đành phải tiết lộ toàn bộ sự thật về vụ án. Giải quyết xong thế lưỡng phân giữa biết và không biết, giữa ẩn và hiện, giữa không gian lớn và chi tiết nhỏ, luật sư Edward dồn đẩy bà giúp việc Martha vào tình thế lưỡng phân, phải lựa chọn đầy căng thẳng, quyết liệt, đau đớn giữa tình và lí, giữa làm tròn thiên tính (lòng mẹ thương con nên che giấu) và bảo vệ nhân tính (buộc kẻ thủ ác phải đền tội), giữa dối trá và thành thật. Cuối cùng, Martha đã buộc phải dừng lại vì không nhận ra rằng, ngay từ đầu, cuộc chơi này quá sức với một người chân thật như mình.

THẤY GÌ TỪ TRÒ CHƠI “DẢI BĂNG CHE MẮT”?

Nữ thần Công lí (Lady Justice/Justitia) trong thần thoại Hy Lạp thường được biết đến với bộ ba hình tượng: *chiếc cân* tượng trưng cho sự suy xét cẩn trọng và công bằng, *thanh kiếm* tượng trưng cho sức mạnh cưỡng chế, một *dải băng bịt kín đôi mắt* tượng trưng cho sự vô tư, không bị tác động bởi ngoại cảnh. Người ta vẫn tranh cãi xem



nữ thần với quyền năng lớn lao, có cần *blindfold* (dải băng che mắt) hay không. Ấy vậy mà họ lại cố tình quên rằng loài người trở nên hủ bại và tha hoá đã buộc bà phải bay lên trời và hoá thân thành chòm sao Xử Nữ (Virgo)? Dải băng che mắt ấy có cần cho nữ thần hay không chẳng quan trọng bằng loài người có bị lòng tham, việc xấu, nỗi sợ hãi vô hình, lí lẽ nguỵ biện theo tiêu chuẩn kép "một trăm cái lí không bằng một tí cái tình" bịt mắt ta trong con đường tìm về sự thật. Và đó cũng là lí do ta cần đến Agatha Christie.

Nhà văn đã bày ra một cuộc chơi trí tuệ và chữ nghĩa rất thú vị với đầy đủ những đặc trưng mà một truyện trinh thám cần có: không gian nghệ thuật thu hẹp để dồn đẩy kịch tính, hàng loạt tình tiết tham gia vào cốt truyện đòi hỏi sự theo dõi sát sao và khả năng liên kết thông tin của người đọc, nhân vật đảm nhận vai trò tra án bộc lộ kĩ năng điều tra vượt trội, chi tiết tiêu biểu được lựa chọn đắt giá để tạo cơ hội cho sự thật oà vỡ bất ngờ. Lời khen dành cho Agatha Christie với truyện này chợt trở nên quá dư thừa với một cây bút lừng lẫy của thể loại. Thế nhưng, thông điệp nhân sinh mà bà chuyển tải chưa bao giờ là thừa trong cuộc đời còn lắm điều phức tạp. Với *Bài hát đồng sáu xu*, Agatha Christie cảnh báo ta rằng che giấu điều xấu, không lên tiếng vạch trần, tố cáo cái ác, đấy cũng là một tội ác, thậm chí tội ác tiềm ẩn này còn kinh khủng hơn rất nhiều so với tội ác hiển lộ. Chúng ta say mê truyện trinh thám của bà không chỉ ở nghệ thuật trần thuật mà còn ở niềm tin về sự chiến thắng của điều tốt trước cái xấu, của nhân tính lành vững trước thú tính chực chờ trỗi dậy.

Trong thần thoại Ai Cập, Maat – Nữ thần Công lí – vừa đóng vai trò là một nữ thần điều chỉnh các vì sao và các mùa trong năm, vừa có nhiệm vụ xây dựng thế giới từ bao hỗn mang. Tồn tại song song như một bản sao với Maat chính là Isfet (mang nghĩa "bất công", "hỗn loạn", "bạo lực", "việc xấu"). Theo niềm tin của người Ai Cập, Isfet và Maat đối địch với nhau nhưng cũng cân bằng lẫn nhau, cùng bổ sung cho nhau. Agatha Christie và những sáng tác của mình gieo cho ta niềm tin, niềm tin đó giúp ta tiếp thêm năng lượng cho Maat vượt trội Isfet, đẩy lùi Isfet để dang rộng đôi cánh chân lí mà chở che nhân sinh. Tất yếu, niềm tin đó cũng giúp ta xua tan lớp mây mù "lộng giả thành chân" để chòm sao Xử nữ chói loà cõi sống, để nữ thần Justitia chẳng cần nữa một "dải băng che mắt".



Truyện lạ nhà thuyền chài kể về cuộc sống của một gia đình thuyền chài trên biển. Truyện tập trung vào cuộc sống của nhân vật chính là Thúc Ngư. Thúc Ngư – một người dân nghèo, lấy vợ là Ngoạ Vân – người có dòng dõi hải tiên, bí ẩn, tài năng. Cả nhà luôn cố gắng làm việc chăm chỉ để nuôi gia đình. Ngoạ Vân giúp Thúc Ngư trở thành một ngư dân giàu có và thành công. Một ngày, nước biển dâng cao, Ngoạ Vân phải biến thành cá to, dài để che chắn ngọn nước. Nhờ đó mà gia đình tai qua nạn khỏi. Tuy nhiên, Ngoạ Vân đã lộ thân phận bí ẩn của bản thân. Vậy nên, nàng đã rời xa Thúc Ngư và bố mẹ chồng để đảm bảo bình yên cho họ.

Khúc hát nhân sinh diệu kì trong *Truyện lạ nhà thuyền chài*

ThS. Nguyễn Minh Huệ

Thuở ấu thơ, chắc hẳn nhiều người trong chúng ta đã từng đắm mình trong những câu chuyện về xứ sở thần tiên, nơi có các cô tiên xanh với hạt bụi phép thuật, và nàng tiên cá xinh đẹp đã sống hết mình với tình yêu. Nàng tiên cá bé nhỏ, nhân vật trong tác phẩm của nhà văn Đan Mạch Hans Christian Andersen từ năm 1837, đã trở thành một trong những nhân vật cổ tích nổi tiếng nhất thế giới. Tuy nhiên, không nhiều độc giả Việt Nam biết rằng, trước cả Andersen, từ thời trung đại mạt kì, và có lẽ còn sớm hơn nữa, đã từng có một miền đất kì diệu như thế trong những trang văn học viết của cha ông ta. Ở nơi đó, có một nàng tiên cá Việt vì tình yêu đã nguyện hi sinh thân mình, chắn con sóng dữ để bảo vệ người thương. Đó là nàng Ngoạ Vân trong thế giới truyền kì của *Ngư gia chí dị* (*Truyện lạ nhà thuyền chài*), một thiên truyện xuất sắc thuộc bộ quái chí tùng thư *Thánh Tông di thảo*, tương truyền do vua Lê Thánh Tông sáng tác. Trong thế giới huyền ảo đó, từ người làng chài đến cõi hải ấp, từ phàm nhân đến thiên nhân đều cùng nhau cất lên những khúc ca tuyệt diệu về cuộc sống.

1. KHÚC CA VỀ TƯ TƯỞNG NHÂN SINH KHOÁNG ĐẠT

Trước hết, *Truyện lạ nhà thuyền chài* là khúc ca của tư tưởng nhân sinh khoát nhiên khoáng đạt, vượt lên giới hạn của những định kiến ràng buộc tầm thường. Cuộc đối thoại của cha con Thúc Ngư không nhằm phủ định việc học hay hạ thấp giá trị của sách vở, mà là một cách chất vấn, ngầm đối thoại với kiểu học tầm chương trích cú, giáo điều, xa rời thực tế:

– Trong sách có cá không?

Cha rằng:

– Không!

Thúc Ngư lại hỏi:

– Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?

Cha nói:

– Lời nói chỉ là văn không, cá là vật thật, làm thế nào mà đánh được?

Thúc Ngư nói:

– Trong sách đã không có cá, lời nói lại không thể đem đánh được cá, con học làm gì?

Để có trí tuệ thông thái, học qua sách vở là chưa đủ, mà phải trải đời và nghiệm đời để hiểu biết, thấu suốt lẽ đời. Thiên hạ trăm họ vạn nghề, không nhất thiết ai ai cũng đều phải làu làu kinh sử, theo đuổi công danh hoạn lộ, bởi nếu ai cũng làm quan thì ai sẽ làm dân? Mỗi nghề nghiệp đều đòi hỏi sự học chuyên cần, và mỗi người đều có thể tìm đến hạnh phúc từ sinh kế ổn định, gia đình sung túc.

2. KHÚC CA CỦA THIÊN NHIÊN VÀ MỐI QUAN HỆ CON NGƯỜI – VẠN VẬT

Khi có một cảm quan nhân sinh rộng mở, khoáng đạt, từ tâm, nhân ái, con người dễ dàng đến với tư tưởng "thiên nhân hợp nhất", trân quý mọi sinh mệnh, tôn trọng mọi tính linh, ứng xử với thế giới tự nhiên bằng cảm thức dung hoà và yêu mến. Bữa ăn mà nhà Ngoạ Vân mời cha mẹ Thúc Ngư là một bàn tiệc với những thức lạ toàn vật sống đang bơi: *"Có thứ quẫy lượn như rồng, cũng có thứ chạy bon bon như ngựa, có thứ như lũ trẻ đùa bỡn, cũng có thứ như đàn gà chọi nhau. Tuy mỗi vật chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay, mà vảy, sừng, lông, cánh, tai, mắt, chân, tay"*. Khi cầm đũa lên, tất cả đã biến thành những món ăn *"ngon tuyệt phẩm, thơm lạ thường"*.

Nơi đây, ranh giới tiên – phàm không phân định, có những người kì dị như *"gã bán kinh"* với hình thể *"tựa người nhưng không phải người, vảy rồng mồm giải, mặt thú thân xà, nổi chìm lên xuống nhanh như*

quan niệm về hôn nhân bình đẳng, không có ràng buộc thân phận, địa vị. Họ đã cùng nhau xây dựng một mái ấm an vui: *"...một nhà bốn miệng ăn, cùng sống trên thuyền lênh đênh trên mặt nước. Mỗi lần buông lưới là được toàn cá ngon, chốc lát đã đầy nửa thuyền. Chiều đem về chợ bán, thường được giá đắt. Gia tư giàu có dần"*. Một cuộc sống giản đơn, hạnh phúc, thư thái, yên bình.

Khi có tai hoạ, hiểm nguy, tình yêu biến thành sức mạnh giúp người phụ nữ dám hi sinh để bảo vệ những người thân yêu. Nếu nàng tiên cá của Andersen chấp nhận đánh đổi giọng nói, tiếng hát của mình để cứu người yêu, để được ở gần hoàng tử, thì nàng Ngoạ Vân trong *Ngư gia chí dị* cũng sẵn sàng chấp nhận bại lộ thân phận, chịu tội tiết lộ thiên cơ để cứu mạng gia đình chồng. Trước cơn nguy bách của con *"sóng to cuồn cuộn"* tràn đến nhấn chìm mọi thứ, Ngoạ Vân vội *"bắt quyết"* hoá phép: *"Tức thì nàng hoá ra một con cá to, dài độ ngàn thước, mình lớn ước tới ba mươi quầng, nằm chắn chỗ ngọn nước tràn vào. Vợ chồng ông chài và Thúc Ngư vin ngay râu cá trèo lên. Nhờ thế được bình an vô sự. Qua một đêm, nước rút xuống. Trông về làng xóm: người, vật, nhà cửa đều bị sông bể cuốn đi hết. Còn nhà, vườn của ông chài thì vẫn y nguyên như ở trên đồi đất cao"*. Phép màu của nàng đã bảo vệ cả nhà Thúc Ngư bình an. Hình ảnh nàng tiên cá Việt hi sinh thân mình để cứu gia đình chồng đã gieo vào lòng người đọc niềm xúc động sâu sắc về đức hi sinh cao cả.

4. KHÚC CA LI BIỆT – BI THƯƠNG MÀ KHÔNG BI LUỴ

Sau bốn năm ân ái, Ngoạ Vân nghẹn ngào từ biệt chồng con, nhưng nàng không lưu luyến bi luỵ, mà gửi đến người ở lại khúc ca nhân sinh thanh thoát và sâu lắng. Nàng nói: *"Thiếp vốn là nữ Học sĩ ở Long Cung, cùng chàng gặp gỡ những hẹn trăm năm. Hay đâu vạ từ ngoài đến, nếu không lộ bản hình, sao giữ toàn được tính mệnh nhà chồng? Nhưng đã làm thiên cơ tiết lộ, thì đoàn tụ với nhau là sự rất khó. Từ nay trở đi, thiếp không thể chung mộng đẹp được nữa"*.

Khúc ca li biệt được nàng cất lên da diết, bi thương:

Thúc Ngư lang!
Trời một phương!
Ghi nhớ trong tâm trường:
Trước song chẳng quản trăng soi bóng,
Nhắn nhủ hoa mai tự chủ trương.
Ông xanh, ông xanh sao phũ phàng!

Lời hát của nàng cất lên không chỉ một mà hai, ba lượt, cứ ngân xa, vang vọng mãi như nỗi lưu luyến triền miên, thương nhớ khôn nguôi.

mây bay", cùng năng lực phi thường *"chỉ đi độ một khắc có thể qua muôn dặm đường trường"*. Một thế giới loài vật có linh hồn, tồn tại tương song với thế giới loài người. Trí tưởng tượng bay bổng của tác giả vẽ ra con đường nối giữa hai cõi tiên – phàm *"một nước một trời, không biết đâu là bờ bến; cá nhảy sau lái, trập trùng trăm trượng trời cao; sóng vỗ mui thuyền, man mác ngàn tầm biển rộng"*, một nơi kì bí và huyền ảo, thách thức khả năng của con người với *"chướng khí trong nước rất độc, vào mắt thì bị mù ngay"*.

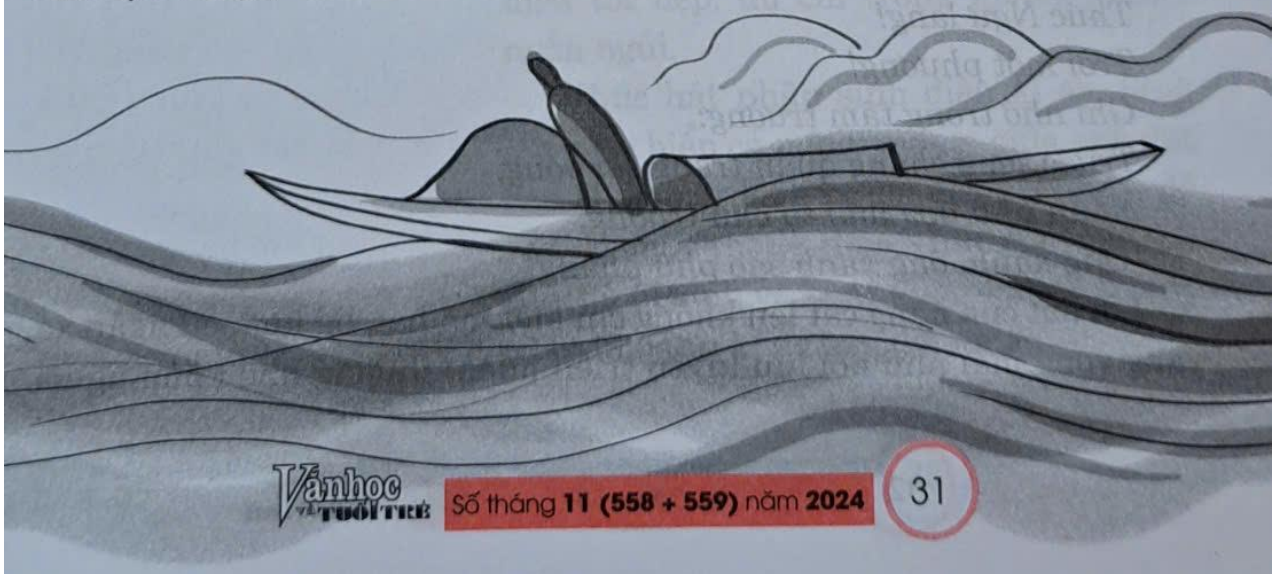
Trong thế giới tự nhiên ấy, các sinh linh không phải là vật sở hữu của con người. Con người trước tự nhiên bao la, dữ dội tuyệt đối không phải là người làm chủ, mà chỉ có thể là người bạn cùng sinh tồn hài hoà, thích ứng và tương hỗ lẫn nhau.

3. KHÚC CA CỦA TÌNH YÊU VÀ SỰ HI SINH CAO CẢ

Truyện lạ nhà thuyền chài còn là khúc ca của tình yêu diệu kì. Đó là tình yêu bình dị, đơn sơ mà chan chứa yêu thương của cha mẹ Thúc Ngư, những người lao động bình thường, dân dã, được khắc hoạ sinh động:

Chồng đem tấm lưới chặn dòng sâu,
Vợ vác cần dài tới bến câu.
Gió sớm đi ra, chèo một mái,
Trăng đêm trở lại cá từng xâu.

Ngoài niềm vui trong cuộc sống dân dã, câu chuyện còn mở ra mối "duyên giải cấu" – cuộc hạnh ngộ tương phùng của những con người tự do trong tình yêu. Cả Thúc Ngư và Ngoạ Vân đều chủ động trong việc chọn bạn kết đôi. Thúc Ngư với quan niệm nhân duyên không thể ngồi chờ mà hạnh phúc phải tự kiếm tìm, việc dựng vợ gả chồng phải nghiêm túc, suy xét kĩ "không nên cẩu thả", đã vượt ngàn dặm đến "hải ấp" tìm bạn trăm năm. Hình tượng Ngoạ Vân trong truyện là mẫu hình người phụ nữ tự chủ và mạnh mẽ. Là một hải tiên ở đảo ấp, nàng đã tự mình lựa chọn yêu và lấy chàng Thúc Ngư, không đòi hỏi *"thách cưới lụa vàng"*, về làm dâu một nhà thuyền chài ở biển Đông, trong một



Nỗi buồn biệt li bi thương nhưng không bi luỵ, bởi tuy không thể nắm tay đi đến cuối con đường, không thể đồng sàng đến đầu bạc răng long nhưng họ đã sống với nhau trọn nghĩa vẹn tình. Trước khi hoá rồng bay đi, Ngoạ Vân còn tặng lại cho người chồng chút *"nước bọt trắng", "hoà với nước mặn mà uống thì xuống nước không chìm, không bao giờ bị nạn chết đuối"* như một món quà ân nghĩa cuối cùng giúp lang quân có thể bình an bước tiếp đường đời. Đoạn tình của Thúc Ngư – Ngoạ Vân gieo vào lòng người đọc bao tiếc nuối, bùi ngùi thương cảm cho họ, nhưng không còn là nỗi buồn xé lòng mà nhẹ nhàng, thanh thoát như khói sương buổi sớm trên những thuyền câu ngoài bến đậu. Chính sự chủ động lựa chọn ra đi ấy của Ngoạ Vẫn là một sự thăng hoa vượt lên những trói buộc của số phận hữu hình để về với chốn phiêu bồng siêu thoát, bất tử trong trái tim của người ở lại.

Truyện lạ nhà thuyền chài không chỉ là một câu chuyện truyền kì về tình yêu và sự hi sinh, mà còn là một bản trường ca về cuộc sống, về mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Qua đó, tác giả đã gửi gắm thông điệp, cuộc sống của con người có ý nghĩa không phải vì nó tồn tại mãi mãi, mà vì con người biết sống hết mình, biết yêu thương, biết hi sinh cho những điều tốt đẹp, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi.

Truyện lạ nhà thuyền chài không chỉ là một câu chuyện truyền kì về tình yêu và sự hi sinh, mà còn là một bản trường ca về cuộc sống, về mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Qua đó, tác giả đã gửi gắm thông điệp, cuộc sống của con người có ý nghĩa không phải vì nó tồn tại mãi mãi, mà vì con người biết sống hết mình, biết yêu thương, biết hi sinh cho những điều tốt đẹp, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi.



Khúc hát nhân sinh diệu kì ấy vang lên giữa biển cả mênh mông, giữa trời đất bao la. Trong lòng người đọc hôm nay, đó vẫn là một thông điệp vĩnh cửu về tình yêu, sự hi sinh và khát khao sống trọn vẹn từng khoảnh khắc của đời người.



VH&TT giới thiệu tới bạn đọc chuỗi bài viết của PGS.TS. Dương Tuấn Anh (GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) về những hình ảnh có nghĩa biểu tượng, từ Hán Việt có trong các văn bản ngữ liệu của SGK Ngữ văn (CTGDPT 2018). Các bài viết sẽ giúp các em học sinh:

▲ Giải đáp các thắc mắc về từ Hán Việt xuất hiện trong các văn bản đọc.

▲ Mở rộng vốn từ có nét nghĩa tương đương, thêm tư liệu/vấn đề hấp dẫn xoay xung quanh từ ngữ Hán Việt.

▲ Có thêm tư liệu để có thể hiểu sâu hơn về tác phẩm.

Tính năng sản của yếu tố Hán Việt

PGS.TS. Dương Tuấn Anh

Tính năng sản (productivity), còn được gọi là khả năng tạo sinh, là một đặc điểm quan trọng của ngôn ngữ con người, chỉ khả năng vô hạn của con người trong việc tạo ra và hiểu những từ ngữ mới, những cách diễn đạt mới,... dù chưa từng xuất hiện trước đó. Khả năng này giúp chúng ta có thể tạo ra những từ ngữ, câu nói chưa bao giờ tồn tại, nhưng vẫn có thể hiểu được và có nghĩa trong ngữ cảnh phù hợp.

Yếu tố Hán Việt, với tư cách là một hiện tượng ngôn ngữ, cũng không nằm ngoài khả năng này. Từ một số lượng hữu hạn các đơn vị (yếu tố Hán Việt) đã có, dựa vào những nguyên tắc nhất định, trong quá trình sử dụng, người Việt đã có thể tạo sinh ra nhiều từ ngữ mới mà ngay trong ngôn ngữ Hán cũng không tồn tại.

1. YẾU TỐ HÁN VIỆT

Yếu tố Hán Việt là yếu tố gốc Hán được đọc bằng âm đọc Hán Việt và sử dụng trong tiếng Việt. Yếu tố này được du nhập vào tiếng Việt thông qua sự tiếp xúc văn hoá và lịch sử giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Một yếu tố Hán Việt thường được xem xét trên hai phương diện: âm đọc và nghĩa.

Về âm đọc, mỗi yếu tố Hán Việt thường được phát âm bằng một âm tiết. Yếu tố Hán Việt không được phát âm theo tiếng Hán hiện đại mà theo cách phát âm của người Việt từ xưa. Chẳng hạn, các chữ Hán 身, 体, 壯,健 sẽ được đọc theo âm Hán Việt là *thân, thể, tráng, kiện* chứ

không được đọc theo Hán ngữ hiện đại là *shēn, tǐ, zhuàng, jiàn* (phát âm tương tự như *"sân", "thỉ", "troang", "chien"*). Âm đọc Hán Việt là cách đọc có hệ thống của người Việt đối với toàn bộ kho tàng văn tự Hán, được hình thành trên cơ sở cách đọc chữ Hán được dạy trong các trường học ở Giao Châu khoảng thời Đường – Tống, có sự biến đổi ngữ âm theo thói quen phát âm của người Việt.

Về nghĩa, mỗi yếu tố Hán Việt thường giữ vai trò là một hình vị. Nghĩa của các yếu tố Hán Việt có thể là nghĩa gốc từ tiếng Hán hoặc được mở rộng theo ngữ cảnh văn hoá Việt Nam. Chẳng hạn các yếu tố 山 *sơn* (núi), 水 *thuỷ* (nước), 國 *quốc* (nước), 家 *gia* (nhà)... đều giữ là nghĩa gốc từ tiếng Hán. Một số yếu tố khác lại được mở rộng nghĩa theo ngữ cảnh văn hoá Việt Nam, như yếu tố 膩 *nhị* vốn có nghĩa trong tiếng Hán là "béo", "đồ ăn nhiều chất béo", "nhờn béo", "trơn mịn", lại được người Việt chuyển đổi nghĩa (nghĩa phái sinh) là (cảm xúc, suy nghĩ) "tinh tế" (trong từ *ý nhị, tế nhị*...) mà không dùng nghĩa gốc trong tiếng Hán (ngay từ *tế nhị* vốn cũng xuất hiện trong tiếng Hán với nghĩa là "tỉ mỉ", "cẩn thận", nhưng đã được người Việt chuyển đổi ý nghĩa thành "khéo léo, tinh tế, nhã nhặn trong đối xử" hoặc "có những tình tiết rất nhỏ, sâu kín, khó nói hoặc không tiện nói ra được").

Như vậy, các yếu tố gốc Hán nhưng không được đọc bằng âm đọc Hán Việt (như âm đọc *ơn* đối với yếu tố 恩 *ân*, âm đọc *tim* đối với yếu tố 心 *tâm*, âm đọc *yêu* đối với yếu tố 愛 *ái*, âm đọc *gần* đối với yếu tố 近 *cận*...) không được coi là yếu tố Hán Việt. Ngoài ra, còn có các từ gốc Hán được tiếp nhận bằng con đường khẩu ngữ với phát âm bằng một phương ngữ nào đó của tiếng Hán hiện đại như *ca la thầu, tào phớ, lục tào xá, chí màphù, mì chính, quẩy, hủ tiếu*,... Những từ này không sử dụng âm đọc Hán Việt nên không được xem là từ Hán Việt.

Cũng như vậy, không thể coi là yếu tố Hán Việt đối với các trường hợp có âm đọc giống với âm đọc yếu tố Hán Việt, nhưng không có sự tương đồng hay mối liên hệ nào về nghĩa với yếu tố tương ứng gốc Hán. Đó chỉ được coi là những từ đồng âm, như *long* với nghĩa là "ở trạng thái không còn gắn chặt với nhau như trước mà sắp hoặc đã rời ra" là thuần Việt, được coi là đồng âm với các yếu tố Hán Việt 龍 *long* (rồng), 隆 *long* (đầy ùn, thịnh), 攏 *long* (họp lại), 櫳 *long* (cửa mạch, cửa sổ, cái lồng, cái cũi),...

Số lượng yếu tố Hán Việt du nhập vào ngôn ngữ Việt cũng được người Việt Nam "chọn lọc" theo nhu cầu sử dụng ngôn ngữ của mình. Cuốn 漢語大詞典 *Hán ngữ đại từ điển* (Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2008) đã thu thập được gần 23.000 từ đơn âm trong ngôn ngữ Hán. Số

từ đơn âm này đồng thời tương ứng với số yếu tố có thể trở thành yếu tố Hán Việt. Nhưng thực tế thống kê số lượng yếu tố du nhập vào tiếng Việt để tạo từ chỉ có khoảng 2.500 đơn vị (thống kê theo *Từ điển yếu tố Hán – Việt thông dụng*, Hoàng Văn Hành chủ biên, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991), tức chỉ khoảng hơn 1/10 số yếu tố trong tiếng Hán. Số yếu tố còn lại tuy vẫn có thể được đọc bằng âm Hán Việt và có nghĩa, nhưng không được người Việt sử dụng trong ngôn ngữ của mình, như các yếu tố 耆 *cẩu* (già cả), 齲 *củ* (sâu răng, sún răng), 懼 *cụ* (sợ hãi), 颶 *cụ* (gió bão), 誑 *cuống* (nói dối, lừa dối), 溜 *lưu* (trượt đi, lướt đi, lặng lẽ lánh đi),...

2. CÁC DẠNG THỨC KẾT HỢP CỦA YẾU TỐ HÁN VIỆT KHI TẠO TỪ TRONG TIẾNG VIỆT

Mỗi yếu tố Hán Việt thường là một hình vị. Nó có thể là những hình vị tự do, vừa có khả năng đứng độc lập thành một từ hoàn chỉnh, vừa có khả năng kết hợp với hình vị khác để tạo từ. Chẳng hạn, các yếu tố như 頭 *đầu* (cái đầu), 花 *hoa* (bông hoa), 筆 *bút* (cái bút), 病 *bệnh* (bệnh tật)... có thể dùng độc lập tạo từ, cũng có thể kết hợp với các hình vị khác để tạo từ (như trong các từ *đầu đạn, đầu não, hoa đăng, hoa hậu, hoa khôi, hoa niên, hoa quả, hoa văn, hoa viên, bút chiến, bút danh, bút kí, bút nghiên, bút pháp, tái bút, tuỳ bút, tuyệt bút, bệnh án, bệnh binh, bệnh hoạn, bệnh lí, bệnh nhân, bệnh nhi, bệnh viện, bệnh xá, dịch bệnh*...).

Phần lớn yếu tố Hán Việt là hình vị phụ thuộc, không thể đứng độc lập mà phải gắn kết với hình vị khác để tạo thành từ có nghĩa. Chẳng hạn các yếu tố 山 *sơn* (núi), 水 *thuỷ* (nước), 國 *quốc* (nước), 家 *gia* (nhà),... chỉ có thể xuất hiện trong các từ *sơn cước, sơn lâm, danh sơn, sơn hào hải vị; thuỷ thủ, thuỷ sản, thuỷ quân lục chiến; ái quốc, quốc hồn, quốc kì, quốc ca, quốc vương; gia đình, gia sản, gia nhân, gia giáo, tham lam;*...

Các yếu tố Hán Việt xuất hiện trong từ tiếng Việt căn bản qua mấy dạng thức sau:

Dạng 1: một yếu tố Hán Việt trực tiếp làm một từ tiếng Việt. Dạng này là các từ đơn đơn âm. Một số yếu tố dạng này sử dụng với nghĩa tương tự trong tiếng Hán, ví dụ: 果 *quả* (trái cây), 羹 *canh* (món canh)...; một số khác sử dụng với nghĩa chuyển, chẳng hạn yếu tố 婆 *bà* (vốn để chỉ người phụ nữ già cả hoặc là từ con dâu gọi mẹ chồng; nghĩa chuyển chỉ: a/người đàn bà sinh ra cha, mẹ hoặc cùng thế hệ với người sinh ra cha, mẹ; b/từ người đàn bà dùng để tự xưng khi tức giận, muốn tỏ vẻ trịch thượng hoặc hách dịch; c/đại từ xưng hô thân mật, suồng sã).

Còn có trường hợp từ được cấu tạo bằng cách rút gọn một từ đa âm tiết trong tiếng Hán thành từ một âm tiết trong tiếng Việt, như từ 落 *lạc* (cây lạc, củ lạc) vốn được rút gọn từ 落花生 *lạc hoa sinh* trong tiếng Hán (người Trung Quốc còn có cách rút gọn thành *hoa sinh*); hay các từ 混 *hỗn* (rút gọn từ tiếng Hán *hỗn hào*), 窕 điệu (rút gọn từ tiếng Hán *yểu điệu*)... cũng thuộc loại này.

Dạng 2: các yếu tố Hán Việt kết hợp với nhau thành từ, mà những từ này đồng thời xuất hiện trong từ vựng tiếng Hán, ví dụ: *nhân vật, phong cảnh, tình cảm, dân tộc, tổ quốc, giang sơn, bất hủ, hưng thịnh, quần chúng,...*

Dạng 3: các yếu tố Hán Việt kết hợp với nhau thành từ, mà những từ này không xuất hiện trong từ vựng tiếng Hán, như các từ *nhiệt độ* (từ có nghĩa tương tự trong tiếng Hán là *ôn độ*), *nhiệt kế* (*ôn độ kế*), *hoạ sĩ* (*hoạ sư, hoạ công*), *tường tận (tường tế), náo nhiệt* (tiếng Hán: *nhiệt náo*), *di chuyển* (*chuyển dĩ*), *tố cáo* (*cáo tố*), *phóng thích* (*thích phóng*), *đạo hiếu* (*hiếu đạo*), *điểm cao (cao điểm), độ cao (cao độ), bản thảo (thảo bản, cảo bản)...*

Dạng 4: yếu tố Hán Việt kết hợp với yếu tố không phải yếu tố Hán Việt. Trong sự kết hợp này, yếu tố Hán Việt có thể đứng trước (như các trường hợp *binh lửa, dẫn đường, dẫn lối, chỉ bảo, tháp nước, cổ xưa, trí nhớ,...*) hoặc đứng sau (như các trường hợp *sống động, làng xã, gân cốt, gấp bội, động đất, xuống cấp, xương tuỷ, yếu thế,...*).

Không phải sự kết hợp nào trong tiếng Hán cũng đều được du nhập vào tiếng Việt. Chẳng hạn, yếu tố 婪 *lam* (tham ăn, tham của cải vật chất) xuất hiện các kết hợp thành từ 貪婪 *tham lam*, 婪遝 *lam đạp* (tham lam), 婪詐 *lam trá* (tống tiền), 婪贓 *lam tang* (tham ăn đút lót), 婪濁 *lam trọc* (tham nhũng, tham ô),... trong tiếng Hán. Tuy nhiên tiếng Việt chỉ xuất hiện từ *tham lam* mà thôi.

Ngoại trừ một số ít yếu tố Hán Việt có khả năng kết hợp hạn chế (như 婪 *lam* đã nêu trên, hoặc 氫 *khinh* (khí hydro) trong từ *khinh khí cầu...*), phần lớn các yếu tố Hán Việt khi được sử dụng trong tiếng Việt đã cho thấy tính năng sản mạnh mẽ của nó qua các kiểu kết hợp theo dạng 3 và 4 đã nêu trên. Chẳng hạn yếu tố 動 *động*, không xét đến các dạng thức kết hợp tương tự trong tiếng Hán (dạng 2), các trường hợp kết hợp riêng có trong tiếng Việt có thể liệt kê như sau: kết hợp theo dạng 3 có các từ *động dục, động kinh, báo động, biệt động, nhiệt động, nhu động,...*; kết hợp theo dạng 4 có các từ *động chạm, động cỡn, động đất, động đực, động lòng, động rồ, đánh động, lay động, quấy động, rung động, sôi động, sống động, vang động, xao động,...* Hay yếu tố 感

cảm, kết hợp theo dạng 3 có các từ *cảm phiền, cảm hàn, cảm nhận,...*; kết hợp theo dạng 4 có các từ *cảm lạnh, cảm mến, cảm ơn, cảm thấy, nhạy cảm, rung cảm,...*

3. NHẬN DIỆN TỪ HÁN VIỆT

Từ Hán Việt là từ trong tiếng Việt được cấu thành từ các yếu tố Hán Việt. Nhưng không phải mọi từ chứa yếu tố Hán Việt đều là từ Hán Việt.

Dạng 1 gồm các từ đơn. Theo thông lệ, các trường hợp này được coi là từ Việt, không được coi là từ Hán Việt.

Dạng 4 gồm các từ có chứa cả yếu tố không phải yếu tố Hán Việt nên cũng không được coi là từ Hán Việt.

Việc xác định đâu là từ Hán Việt căn bản cần tập trung làm rõ ở nhóm các từ ngữ dạng 2 và 3.

Dạng 2 gồm các từ được cấu thành từ các yếu tố Hán Việt kết hợp với nhau, mà những từ này đồng thời xuất hiện trong từ vựng tiếng Hán. Không thể nhận định đơn giản đây là những từ gốc Hán, bởi việc truy nguyên những từ đó có thực sự được sản sinh từ đời sống ngôn ngữ Hán hay không là không đơn giản. Một bộ phận có thể xác định rõ là những từ gốc từ ngôn ngữ Hán, như *tổ quốc, thánh nhân, quân tử, nhân dân,...* Một bộ phận có thể xác định rõ là từ "hồi quy" (từ sử dụng các yếu tố gốc Hán, nhưng được hình thành ở các quốc gia khác, sau đó du nhập trở lại vào ngôn ngữ Hán), như *văn học, triết học, văn hoá,...* Một bộ phận có thể xác định rõ là từ ngoại lai (từ có nguồn gốc nước ngoài du nhập vào ngôn ngữ Hán, cơ bản bằng phương thức phiên âm), như *lãng mạn* (phiên âm từ tiếng Ý: *roman, romantic*), *sư tử* (phiên âm từ ngôn ngữ các nước phía tây của Trung Quốc), *La Mã* (phiên âm từ tiếng Ý: *Roma*), *Phật* (hay *Phật – đà* là phiên âm từ tiếng Phạn: *Buddha*)... Nhiều từ trong từ vựng tiếng Hán hiện chưa thể xác định chính xác nguồn gốc. Vì vậy, không thể phân biệt tuyệt đối nguồn gốc của tất cả những từ trong từ vựng tiếng Hán. Tiêu chí "gốc Hán" để xác định đó là từ Hán Việt hay không là không khả thi. Vì thế, ở đây chỉ có thể lấy tiêu chí "có sự kết hợp các yếu tố xuất hiện tương tự trong tiếng Hán" của những từ này để xác định đó là từ Hán Việt.

Dạng 3 gồm những từ được cấu tạo hoàn toàn bằng sự kết hợp các yếu tố Hán Việt. Nhưng sự kết hợp này là sáng tạo của người Việt, không thấy xuất hiện trong tiếng Hán. Nếu xét theo tiêu chí phải là từ "có sự kết hợp các yếu tố xuất hiện tương tự trong tiếng Hán" thì những từ này không thể coi là từ Hán Việt. Tuy nhiên, có một thuộc tính nữa của nhóm từ ngữ này cần được xem xét đến, đó là trật tự ngữ

pháp khi kết hợp các yếu tố. Dựa vào tiêu chí này, có thể chia nhóm các từ dạng 3 thành hai bộ phận.

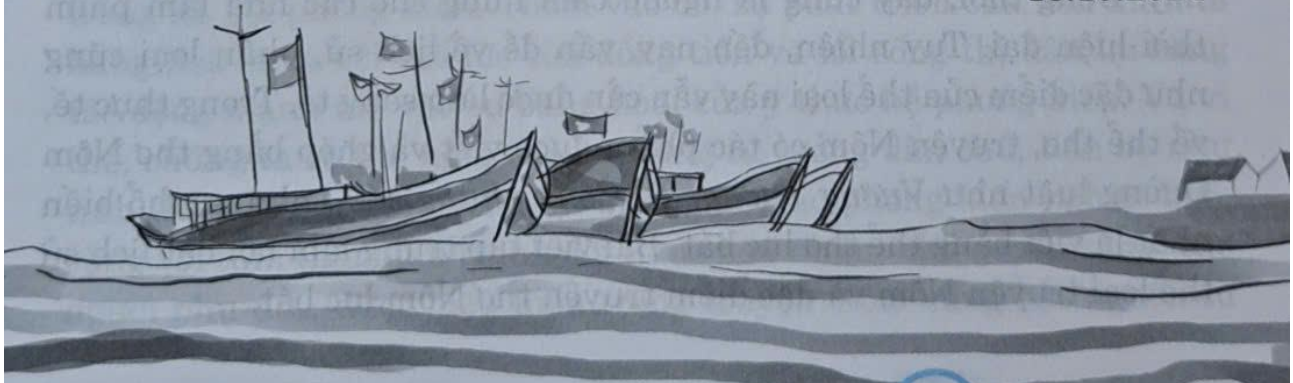
Bộ phận thứ nhất gồm những từ được kết hợp theo quy tắc ngữ pháp của tiếng Hán. Bộ phận này gồm các trường hợp: một là đảo trật tự kết hợp các yếu tố (so với trật tự kết hợp các yếu tố xuất hiện trong từ tiếng Hán) nhưng không mâu thuẫn với quy tắc ngữ pháp tiếng Hán như *di chuyển* (so với *chuyển di*), *tố cáo* (so với *cáo tố*), *phóng thích* (so với *thích phóng*),...; hai là đổi yếu tố (so với các yếu tố được sử dụng trong kết hợp của từ tiếng Hán) như *hoạ sĩ* (so với *hoạ sư, hoạ công*), *tường tận* (so với *tường tế*),...; ba là những từ được tạo mới theo công thức yếu tố Hán Việt + yếu tố Hán Việt (mà sự kết hợp này không có trong ngôn ngữ Hán) như *uỷ ban, thư kí*,... Bộ phận này có sự phù hợp về ngữ pháp, có khả năng cao trở thành từ "hồi quy" trong tiếng Hán, có khả năng đáp ứng được tiêu chí "có sự kết hợp các yếu tố xuất hiện tương tự trong tiếng Hán" (dù trước mắt có thể chưa xảy ra), nên có thể được nhận diện là là từ Hán Việt.

Bộ phận thứ hai gồm những từ được kết hợp trái với quy tắc ngữ pháp tiếng Hán, như các từ đạo hiếu (so với *hiếu đạo* trong tiếng Hán), *điểm cao (cao điểm), độ cao (cao độ), bản thảo (thảo bản)*... Kiểu kết hợp này đương nhiên xa lạ với tiếng Hán, nhưng hoàn toàn phù hợp với tư duy (ngữ pháp) của người Việt, nên cần được xác định là các từ thuần Việt.

Như vậy, có thể thấy hai đặc điểm chính yếu để nhận diện từ Hán Việt là: thứ nhất, các yếu tố kết hợp tạo từ đều phải là yếu tố Hán Việt; thứ hai, trật tự kết hợp các yếu tố phải không mâu thuẫn với quy tắc ngữ pháp tiếng Hán. Trong tiếng Việt, các từ Hán Việt không chỉ có giá trị về ngữ nghĩa, mà còn góp phần tạo nên tính phong phú và sự đa dạng trong ngôn ngữ, góp phần tạo nên sự trang trọng khi diễn đạt, đặc biệt trong các văn bản học thuật hay hành chính.

Hiểu biết rõ về yếu tố Hán Việt sẽ giúp người Việt không chỉ nắm bắt và sử dụng hiệu quả ngôn ngữ dân tộc, mà còn tiếp tục sáng tạo nên những từ ngữ mới, để tiếng Việt thêm giàu, thêm đẹp./.

18.10.2024



ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

Đặc điểm truyện thơ Nôm



TS. Nguyễn Cảnh Chương
Trường Đại học Đà Lạt

Truyện thơ Nôm hay truyện Nôm là thể loại dài viết bằng chữ Nôm, dùng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát để trần thuật, là một trong những thể loại nội sinh quan trọng, một sáng tạo độc đáo của văn học Việt Nam. Cùng với hát nói, ngâm khúc, truyện Nôm là một trong ba thể loại lớn được viết bằng ngôn ngữ của dân tộc. Là một thể loại đặc biệt của văn học trung đại Việt Nam được công chúng và giới nghiên cứu đón nhận, truyện Nôm trở thành món ăn tinh thần quan trọng của đương thời và tiếp giữ giá trị đến ngày nay. Đồng thời, đây cũng là nguồn cảm hứng cho các nhà làm phim thời hiện đại. Tuy nhiên, đến nay, vấn đề về lịch sử, phân loại cũng như đặc điểm của thể loại này vẫn cần được làm sáng tỏ. Trong thực tế, về thể thơ, truyện Nôm có tác phẩm được viết và ghép bằng thơ Nôm Đường luật như *Vương Tường, Tô Công phụng sứ*,... nhưng phổ biến nhất là viết bằng thể thơ lục bát. Bài viết tập trung làm nổi bật lịch sử thể loại truyện Nôm và đặc điểm truyện thơ Nôm lục bát.

1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ TRUYỆN NÔM

Khi nói về nguồn gốc và quá trình phát triển của thể loại truyện Nôm, cần chú ý đến các yếu tố như: cơ sở lịch sử xã hội, các tiền đề văn hoá nghệ thuật; sự tiến triển của thể thơ lục bát trong khả năng tự sự...

Về các tiền đề văn hoá nghệ thuật, cần lưu ý đến việc người Việt chủ động tiếp thu văn hoá, văn học Trung Hoa, trong đó có đề tài và cốt truyện. Chẳng hạn, bên cạnh các tác phẩm sử dụng cốt truyện dân gian (lấy từ cổ tích, thần tích,...) lưu hành trong dân gian như: *Tấm Cám, Thạch Sanh, Quan Âm Thị Kính, Tống Trân – Cúc Hoa,...* thì cũng có những tác phẩm lấy cốt truyện từ văn học Trung Quốc (thoại bản, tiểu thuyết chương hồi, truyện truyền kì,...) như: *Song Tinh – Bất Dạ, Hoa tiên, Truyện Kiều, Nhị độ mai,...*

Về tiền đề văn hoá, sự phục hưng trở lại của Phật giáo, Đạo giáo tạo điều kiện cho truyền thống văn hoá dân gian phát triển hết sức phong phú và đạt tới những thành tựu rực rỡ. Hơn nữa, sự tương tác giữa ba yếu tố Nho, Phật, Đạo đã tạo nên một hệ tư tưởng mang nhiều yếu tố duy tâm siêu hình để lí giải hiện thực, số phận con người mà chúng ta bắt gặp khá nhiều trong các truyện Nôm như những yếu tố thần kì. Các nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh đến giai đoạn phát triển cao của ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ văn học Nôm, tức là ngôn ngữ đời sống được văn học hoá. Truyện Nôm vừa kế thừa được thành tựu của ngôn ngữ dân tộc, sự tiến triển của thể thơ lục bát, vừa là sự phát triển của loại hình tự sự.

Nhấn mạnh thêm về cơ sở xã hội lịch sử của thời đại – đây là một vấn đề có ý nghĩa nội sinh, thôi thúc sự ra đời của thể loại truyện Nôm. Truyện Nôm ra đời vào giai đoạn thế kỉ XVI – XVII và phát triển rực rỡ vào thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX, là thời kì khủng hoảng trầm trọng, đi đến suy tàn của chế độ phong kiến Việt Nam. Trong thời đại đầy biến động ấy, những cuộc đấu tranh giữa nội bộ giai cấp phong kiến, những cuộc đấu tranh giữa nông dân với giai cấp phong kiến thống trị diễn ra liên miên là minh chứng cho sự đảo lộn trật tự cũ trong xã hội phong kiến. Thêm vào đó, sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá cùng với thế lực của đồng tiền và lối sống thị dân lại càng tác động mạnh mẽ vào sự băng hoại của ý thức hệ phong kiến. Và vì thế, chúng ta có thể nghĩ rằng, những tư tưởng dân chủ, tiến bộ như tinh thần đấu tranh chống lại những lễ giáo phong kiến nghiệt ngã, cùng với tinh thần đấu tranh đòi tự do hôn nhân, "đòi quyền sống" cho người phụ nữ... được biểu hiện trong truyện Nôm cũng bắt nguồn từ

chính nền tảng kinh tế – xã hội của lịch sử thời đại này. Chính sự biến thiên của xã hội, tác động đến nội tâm của con người, cần một thể loại dài hơi hơn thể loại thơ Đường luật, để đủ sức chuyển tải những mặt phong phú, phức tạp của cuộc sống thời đại. Đó cũng là lí do cho những truyện thơ Nôm Đường luật ra đời vào giai đoạn đầu – là thể loại nối các bài thơ Đường luật lại với nhau – như một sự thử nghiệm cho việc ra đời của thể loại truyện Nôm. Nhu cầu nội tại của xã hội cần những tác phẩm dài hơi, chuyển tải những tư tưởng lớn, có tính luận đề. Điều này có thể thấy rất rõ trong *Truyện Kiều*, cũng như trong ba truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, từ *Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu* đến *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* đều có tính luận đề, chuyển tải tư tưởng lớn của Nguyễn Du cũng như Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ yêu nước lớn cuối thế kỉ XIX.

Sự phát triển của truyện thơ Nôm trải qua ba giai đoạn:

Giai đoạn đầu là các truyện thơ cấu tạo bằng một chuỗi thơ Đường luật như *Tô Công phụng sứ, Truyện Vương Tường, Lâm Tuyền kì ngộ* và *Tam Quốc thi*, mà người ta thấy gần gũi với thơ *Hồng Đức quốc âm thi tập* xuất hiện khoảng thế kỉ XVI – XVII.

Giai đoạn hai là sự xuất hiện các truyện thơ Nôm bình dân như *Quan Thế Âm, Phạm Công Cúc Hoa, Lý Công Cúc Hoa,...* các tác phẩm này có "mẫu câu" và cách gieo vần gần gũi với *Thiên Nam ngữ lục.*

Giai đoạn đỉnh cao của truyện thơ Nôm là sự xuất hiện truyện thơ Nôm bác học mà bắt đầu với truyện *Song tinh* của Nguyễn Hữu Hào và đỉnh cao là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du ở thế kỉ XVIII. Truyện thơ Nôm thế kỉ XVIII mượt mà về ngôn ngữ, câu thơ, cách gieo vần, kể chuyện, miêu tả đã khác lối bình dân thế kỉ trước.

Hiện nay, trên phương diện thể tài, có hai loại truyện thơ Nôm: truyện thơ Nôm Đường luật và truyện thơ Nôm lục bát. Truyện thơ Nôm Đường luật như trên đã nói, là sự liên kết của nhiều bài thơ Nôm Đường luật để trình bày trọn vẹn ý tưởng của tác giả. Truyện thơ Nôm Đường luật không nhiều, một số bị thất truyền, chỉ còn một số tác phẩm như: *Tô Công phụng sứ, Chiêu Quân cống hồ, Lâm tuyền kì ngộ.* Truyện thơ Nôm lục bát được sáng tạo bằng thể lục bát – thể thơ đặc trưng, thuần tuý của dân tộc. Truyện thơ Nôm lục bát chiếm ưu thế với số lượng và thành tựu lớn, đại diện cho truyện thơ Nôm nói chung; các tác phẩm tiêu biểu có: *Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Truyện Kiều, Hoa tiên, Truyện Lục Vân Tiên,...*

Trên phương diện đối tượng sáng tác, các nhà nghiên cứu chia ra truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học. Hai loại này về cơ bản

ứng với khái niệm truyện Nôm khuyết danh và truyện Nôm có tên tác giả. Truyện Nôm bình dân do các tác giả trong giới bình dân (thường là khuyết danh) sáng tác, phần lớn được truyền miệng hoặc qua ghi chép thô sơ trong dân gian nên khó xác định tác giả. Nội dung của truyện Nôm bình dân thường phản ánh khát vọng của người dân tầng lớp dưới, những khao khát bình đẳng xã hội, thay đổi vị thế trong xã hội, ước mơ ấm no, hoà bình, hạnh phúc, những điều tốt đẹp trong cuộc sống... Nghệ thuật sáng tác của truyện Nôm bình dân ở mức vừa phải, ngôn ngữ bình dân gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân, ít có các biện pháp tu từ cũng như sử dụng những từ ngữ thể hiện quyền thế, trong các tác phẩm tiêu biểu như: *Phạm Tải Ngọc Hoa, Tống Trân Cúc Hoa, Phương Hoa, Lý Công, Hoàng Trừu,...* Truyện thơ Nôm bác học do các tác giả là trí thức Nho học (thường có tên tuổi, lí lịch rõ ràng), thường là tầng lớp nho gia trong xã hội sáng tác và lưu hành rộng rãi nhưng chủ yếu vẫn trong giới trí thức tinh hoa. Nội dung của truyện Nôm bác học thường phản ánh nhu cầu của giới trí thức lớp trên (giải phóng tình cảm, khẳng định tài năng, phẩm hạnh). Truyện thơ Nôm bác học có sự kết tinh cao về giá trị nghệ thuật, những tác phẩm tiêu biểu như: *Truyện Kiều, Hoa tiên, Sơ kính tân trang, Phan Trần, Nhị độ mai, Lục Vân Tiên,...*

2. ĐẶC ĐIỂM TRUYỆN THƠ NÔM

Các nhà nghiên cứu đã nói nhiều đến đặc điểm truyện Nôm từ mô hình cấu trúc, kết thúc có hậu, nhân vật, ngôn ngữ, phương thức sáng tác và lưu truyền... Ở đây, chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh thêm một số đặc điểm như sau:

Tính phiếm chỉ: Trong truyện Nôm nói chung, tên người, tên đất, thời gian, không gian,... đều có tính và xu hướng phiếm chỉ hoá. Vì thế tên người, tên đất, thời đại,... nhiều khi chỉ có ý nghĩa tượng trưng chứ không có ý nghĩa lịch sử cụ thể. Chẳng hạn ở truyện *Tống Trân Cúc Hoa*, vốn là một tác phẩm gắn liền với truyền thuyết, có đền thờ Tống Trân ở phía Nam thôn An Cầu, xã Tống Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, nhưng tác giả kể rằng chuyện xảy ra vào đời vua Thái Tông; nhưng đó là vua Thái Tông triều đại nào? Đời Lý, đời Trần, hay đời Lê thì tác giả không cho biết cụ thể. Về sau tác giả kể chuyện Tống Trân bị đày sang nước Tần mười năm, thì địa danh này cũng rất mơ hồ, vì tương ứng với ba triều đại Lý – Trần – Lê, triều Lê có vua Thái Tông thì ở Trung Quốc không có nhà Tần...

Về nội dung của truyện Nôm: Hầu hết các truyện thơ Nôm, nhất là truyện Nôm bình dân, đều đặt ra vấn đề trung tâm là cuộc đấu tranh

của những người bị áp bức chống cường quyền bạo chúa, bảo vệ tình yêu thuỷ chung, bảo vệ hạnh phúc gia đình, bảo vệ nhân phẩm con người. Khát vọng bảo vệ hạnh phúc gia đình, bảo vệ quyền sống, nhân phẩm và giá trị con người đồng thời cũng là khát vọng bảo vệ công lí. Các tác phẩm như: *Phạm Tải Ngọc Hoa, Tống Trân Cúc Hoa, Phương Hoa, Lý Công, Hoàng Trừu* đều thể hiện điều đó. Qua cuộc đấu tranh nhiều khi không cân sức ấy, tác giả truyện Nôm có ý thức làm nổi bật hai vấn đề cơ bản đó là: thứ nhất, tố cáo sự suy đồi, tàn bạo của xã hội phong kiến trên bước đường suy vong của nó; thứ hai, đề cao phẩm chất tốt đẹp của nhân dân lao động, nhất là phẩm giá người phụ nữ. Ngoài ra, các tác giả truyện Nôm cũng thường đưa ra những cách giải quyết tích cực, tiến bộ các vấn đề xã hội. Ba vấn đề này được coi là ba đặc điểm chính về nội dung của truyện Nôm nói chung. Chẳng hạn hình tượng Cúc Hoa trong *Tống Trân Cúc Hoa*, hay Ngọc Hoa trong *Phạm Tải Ngọc Hoa* đều chứng minh hình tượng các cô gái trẻ xinh đẹp, giàu sang tự nguyện lấy những chàng ăn mày nhưng tài hoa, đức hạnh; dù bị đày đoạ tủi nhục cả thể xác lẫn tinh thần nhưng vẫn vững vàng vượt qua thử thách để giành lại tình yêu và hạnh phúc. Đó là hành vi có ý nghĩa chống lại "môn đăng hộ đối" hết sức nặng nề của lễ giáo phong kiến. Đồng thời, nó cũng thể hiện hành vi dân chủ, tiến bộ, chứng tỏ sự vùng lên mạnh mẽ của người phụ nữ nhằm thoát ra khỏi những lề thói phong kiến lạc hậu.

Về đặc điểm nghệ thuật: Kết cấu cốt truyện theo mô hình cơ bản gồm ba phần: *Gặp gỡ – Tai biến – Đoàn tụ*. Chẳng hạn trong *Truyện Kiều*, Thuý Kiều gặp gỡ Kim Trọng, rồi gia đình Kiều gặp tai biến, Kiều phải lưu lạc 15 năm rồi đoàn tụ gia đình... Nhiều truyện Nôm đã dụng công xây dựng nhân vật chính, đặc biệt là những nhân vật phụ nữ là những người tích cực, chủ động đấu tranh giành hạnh phúc. Hầu hết, các nhân vật đều được hưởng hạnh phúc trọn vẹn theo đúng triết lí dân gian "ở hiền gặp lành". Và đó cũng là đặc điểm kết thúc có hậu trong truyện Nôm.

Cho đến nay, hầu hết các nhà nghiên cứu cũng đã thống nhất quan điểm cho rằng, thể thơ lục bát và song thất lục bát là hai thể thơ được sử dụng trong truyện Nôm. Đây là hai thể thơ của dân tộc, là sáng tạo độc đáo của dân tộc Việt Nam.

ĐỒNG HÀNH CT&SGK

Các em học sinh thân mến, cuộc sống hằng ngày có nhiều vấn đề mà chúng ta cần chung tay giải quyết, chẳng hạn như: bạo lực học đường, bắt nạt trên mạng, tình trạng đi học muộn, tình trạng học đối phó,... Trong tình huống đó, chúng ta cần đến bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết để phân tích, trình bày những giải pháp khả thi và thuyết phục mọi người thực hiện theo. Bài viết dưới đây sẽ hướng dẫn các em thực hành viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trên một cách hiệu quả.

Hướng dẫn thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết

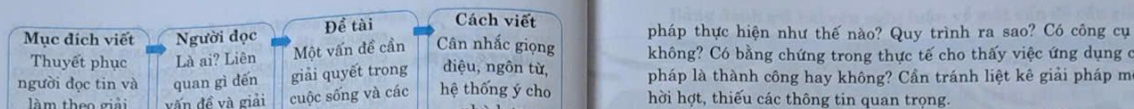
ThS. Trần Lê Duy
GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

BƯỚC 1: CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VIẾT

Ở bước này, các em cần lưu ý, **đề tài** của kiểu bài này là *một vấn đề cần giải quyết*. Thế nào là một vấn đề cần giải quyết? Đó là một vấn đề mang đến những tác động tiêu cực đến cuộc sống, hoặc vấn đề vẫn tồn đọng những điều chưa được như mong muốn. Chẳng hạn, khi ta nói: "Văn hoá đọc sách có vai trò quan trọng trong việc phát triển tri thức. Ta cần phải có những giải pháp cụ thể để lan toả văn hoá đọc", thì có nghĩa **vấn đề cần giải quyết** là thực trạng văn hoá đọc chưa được lan toả rộng rãi, hoặc đã được lan toả nhưng kết quả chưa sâu rộng, chưa như mong muốn. Trong thực tế cuộc sống, chúng ta không tự nhiên đề xuất giải pháp, mà giải pháp luôn xuất phát từ một tình huống, một vấn đề cần giải quyết trong thực tế và cần gắn chặt với đặc điểm, tính chất của tình huống, vấn đề ấy.

Trước khi viết, các em cần hình dung về **tình huống giao tiếp** của bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. Nếu trọng tâm *bài nghị luận về một vấn đề của đời sống* (đã học ở lớp 8) là thể hiện quan điểm, ý kiến riêng của em về vấn đề, hiện tượng, thì trọng tâm của *bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết* (lớp 9) đó là thuyết phục mọi người tin và làm theo những giải pháp mà các em đưa ra, từ đó giúp giải quyết những mặt tiêu cực, những điều chưa mong muốn còn tồn tại.

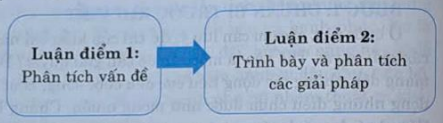
Hiểu được đặc điểm của nhiệm vụ viết, các em cần tiến hành xác định các thành tố giao tiếp liên quan đến bài viết để có cách viết phù hợp, hiệu quả. Có thể tham khảo sơ đồ:



Khâu **thu thập tư liệu** có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các em tìm ý và có các cơ sở lập luận vững chắc cho bài viết. Hãy chú ý đến các tư liệu như sách báo, các trang web uy tín liên quan đến vấn đề cần giải quyết, tìm kiếm thông tin về giải pháp và các bằng chứng cho thấy việc thực hiện giải pháp là khả thi trong thực tế.

BƯỚC 2: TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý

Vì mục đích chính của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết là thuyết phục mọi người tin và thực hiện theo các giải pháp người viết đề ra, cho nên hệ thống ý của bài viết có thể được triển khai theo sơ đồ sau:



Trong đó, luận điểm 1 (phân tích vấn đề) cung cấp cơ sở, nền tảng để đề xuất luận điểm 2 (trình bày và phân tích giải pháp). Trọng tâm của bài viết là các giải pháp khả thi và có sức thuyết phục, cần dành phần dung lượng phù hợp cho luận điểm này trong bài viết, khoảng từ 1/3 đến 1/2 thân bài.

Chú ý:

Có thể phân tích vấn đề theo các khía cạnh để nhận ra bản chất của vấn đề, từ đó có cơ sở đề xuất giải pháp. Chẳng hạn: Vấn đề ấy diễn ra như thế nào (thực trạng)? Vấn đề ấy gây ra tác hại gì (tác động)? Vấn đề ấy có nguyên nhân từ đâu? Trong đó, ý về nguyên nhân là cơ sở trực tiếp cho việc đề xuất giải pháp, theo nguyên tắc nguyên nhân nào – giải pháp đó. Các ý về thực trạng, tác động cho người đọc hình dung ra tính cấp thiết của việc giải quyết vấn đề và tiếp thêm động lực để thực hiện các giải pháp mà bài viết đưa ra.

Vì trọng tâm của bài viết là các giải pháp cho nên các em cần phân tích, làm sáng tỏ các giải pháp để thuyết phục người đọc về tính khả thi của chúng. Cần làm rõ các vấn đề: Ai thực hiện giải pháp? Giải pháp thực hiện như thế nào? Quy trình ra sao? Có công cụ hỗ trợ không? Có bằng chứng trong thực tế cho thấy việc ứng dụng các giải pháp là thành công hay không? Cần tránh liệt kê giải pháp một cách hời hợt, thiếu các thông tin quan trọng.

Các em có thể tham khảo cách làm thông qua *Phiếu tìm ý* của một bạn học sinh về những giải pháp khắc phục tình trạng đi học muộn sau:

	Người thực hiện giải pháp	Cách thức thực hiện	Công cụ/ phương pháp hỗ trợ (nếu có)	Lí giải, phân tích (nếu có)	Bằng chứng về việc áp dụng thành công (nếu có)
Vấn đề cần giải quyết: Tình trạng đi học muộn của học sinh	Học sinh	Đi ngủ đúng giờ bằng cách không sử dụng thiết bị điện tử, điện thoại ít nhất 01 giờ trước khi ngủ.	Nằm thư giãn, hít thở đều và đếm nhịp thở.	Việc hít thở và đếm hơi thở giúp tâm trí thoải mái, dễ chìm vào giấc ngủ và giúp tỉnh táo hơn vào sáng hôm sau.	Các nghiên cứu khoa học về giấc ngủ.
	Học sinh	Chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập vào buổi tối trước khi ngủ.	Sử dụng checklist để không sai sót.	Giúp chủ động vào buổi sáng, không mất thời gian chuẩn bị.	Các nghiên cứu về hiệu quả của checklist.
	Phụ huynh	Đánh thức học sinh dậy đúng giờ, hỗ trợ học sinh về việc di chuyển, trừ hao thời gian di chuyển để phòng các sự cố như tắc đường, xe cộ hư hỏng,...	Các phần mềm trên điện thoại giúp nhắc việc và quản lí thời gian.	Giúp đỡ học sinh thuận tiện hơn trong việc đi lại, đảm bảo giờ giấc đến lớp.	X



BƯỚC 3: VIẾT BÀI

Từ dàn ý đã lập, các em tiến hành viết bài văn hoàn chỉnh. Để bài viết được thuyết phục, các em cần lưu ý:

❖ Trình bày rõ ràng luận điểm (nên thể hiện luận điểm thành các câu chủ đề ở đầu đoạn). Lí lẽ và bằng chứng phù hợp, thuyết phục, gắn với các luận điểm.

❖ Vận dụng, kết hợp cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan để vừa đảm bảo tính chính xác, khoa học, vừa khơi gợi tình cảm và mối quan tâm của người đọc với vấn đề. Sự tác động cả bằng lí trí lẫn tình cảm sẽ làm nên sức thuyết phục cho bài văn của em.

"Mẹo" để viết tốt hơn

Em có thể sưu tầm thông tin và giải pháp về các vấn đề cần giải quyết trong cuộc sống như: ô nhiễm môi trường, sử dụng điện thoại trong lớp học, áp lực học tập, tình trạng lãng phí tài nguyên, phân biệt đối xử trong trường học,...

❖ Đa dạng các kiểu câu có thể giúp bài văn của em sinh động hơn: chẳng hạn có thể đặt ra câu hỏi để đối thoại với người đọc, sử dụng cấu trúc phủ định hai lần để nhấn mạnh các ý tưởng quan trọng, sử dụng câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc,...

❖ Đừng quên sử dụng các từ ngữ chuyển ý để tạo tính mạch lạc cho bài viết, chẳng hạn như: *bên cạnh đó, mặt khác, hơn nữa, quan trọng hơn cả,...*

BƯỚC 4: XEM LẠI VÀ CHỈNH SỬA, RÚT KINH NGHIỆM

Các em đọc lại bài viết, tự đánh giá và chỉnh sửa để bài viết hoàn thiện hơn, sau đó công bố bài viết trên góc học tập của lớp, diễn đàn học sinh, bảng tin trường,... Có thể sử dụng bảng đánh giá bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết để tự kiểm tra và chỉnh sửa bài viết:

Bảng đánh giá bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết

	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu rõ ràng, thuyết phục và thu hút vấn đề cần giải quyết, nêu được tầm quan trọng của việc thực hiện giải pháp.	Giới thiệu vấn đề tương đối rõ, có nêu tầm quan trọng của việc thực hiện giải pháp, nhưng thiếu sự thu hút hoặc sáng tạo.	Giới thiệu vấn đề nhưng chưa nêu rõ tầm quan trọng của việc thực hiện giải pháp.	Không giới thiệu hoặc giới thiệu không rõ vấn đề cần giải quyết, không nêu tầm quan trọng của việc thực hiện giải pháp.
Thân bài	Trình bày luận điểm, phân tích vấn đề một cách sâu sắc, toàn diện các khía cạnh với bằng chứng phong phú, sắp xếp hợp lí. Đề xuất giải pháp thực tế, cụ thể, có phân tích lí lẽ và bằng chứng rõ ràng.	Phân tích các khía cạnh vấn đề hợp lí nhưng chưa toàn diện, giải pháp khả thi nhưng phân tích chưa thật thuyết phục, sắp xếp luận điểm logic nhưng còn thiếu sự mạch lạc.	Chỉ phân tích được nguyên nhân của vấn đề; đưa ra giải pháp nhưng chưa thuyết phục hoặc thiếu bằng chứng, sắp xếp chưa hợp lí.	Luận điểm lộn xộn, phân tích không rõ ràng, thiếu giải pháp, thiếu lí lẽ, bằng chứng; sắp xếp thiếu hợp lí.
Kết bài	Khẳng định lại ý nghĩa vấn đề một cách sâu sắc, bài học cá nhân được rút ra rõ ràng và thuyết phục, kết bài ấn tượng.	Khẳng định được quan điểm, có bài học cá nhân rõ ràng nhưng cách kết thiếu điểm nhấn.	Khẳng định lại quan điểm nhưng chưa rõ ràng, bài học cá nhân chưa nổi bật, chung chung, sơ sài.	Không khẳng định lại vấn đề, thiếu bài học cá nhân, kết bài thiếu logic hoặc không rõ ràng.
Diễn đạt	Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ sử dụng phong phú, có những cách diễn đạt hay, gây ấn tượng.	Diễn đạt tương đối mạch lạc, trôi chảy không mắc lỗi chính tra, diễn đạt, sử dụng từ ngữ chính xác nhưng chưa phong phú.	Diễn đạt tương đối trôi chảy, mạch lạc, có ít hơn 2 lỗi về chính tả, ngữ pháp.	Mắc nhiều hơn 2 lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt không mạch lạc.

Chúc các em có những bài viết hay và thuyết phục!

Đồng hành cùng CT&SGK

Một số kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện ngắn

ThS. Nguyễn Thị Hoài Phương
GV. Trường THPT Chuyên – Đại học Sư phạm Hà Nội

Trong lịch sử văn học, so với thơ ca, truyện ngắn là thể loại ra đời sau và có quá trình dài hình thành, phát triển và hoàn thiện. Với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 – môn Ngữ văn, truyện ngắn được lựa chọn giảng dạy từ Tiểu học, THCS đến THPT. Kĩ năng viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện ngắn cũng là một kĩ năng quan trọng, được thực hiện sau khâu đầu tiên là đọc văn bản.

Truyện ngắn là một "lát cắt của đời sống", thường tập trung vào một khoảnh khắc có ý nghĩa trong đời sống. Đó có thể là một cuộc gặp gỡ tình cờ, một sự kiện bất thường như vô tình "nhặt" được vợ giữa nạn đói (*Vợ nhặt* của Kim Lân), vài ngày cuối cùng trong cuộc đời một con người (*Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân) hay việc mấy đứa trẻ con tặng nhau chiếc áo rét (*Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam),... Song cũng có những truyện ngắn có khả năng bao hàm quãng thời gian dài bằng cả cuộc đời nhân vật, như truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao. Do vậy, tiếp cận một truyện ngắn, bên cạnh việc dựa vào những tri thức lí luận về thể loại truyện ngắn, cũng cần phát hiện những điểm mới của văn bản.

1. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN NGẮN

Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện ngắn cần làm nổi bật được đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, đồng thời thể hiện quan điểm, thái độ của người viết về giá trị của văn bản. Cũng giống như các bài nghị luận văn học khác, bài viết cần triển khai hệ thống ý rõ ràng, mạch lạc, bám sát vào các phương diện đặc trưng của thể loại. Sau cùng, người viết cần nhận diện được thông điệp, quan điểm của nhà văn thể hiện trong tác phẩm.

2. CÁC BƯỚC VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN NGẮN

Bước 1. Đọc văn bản

Khi tiếp cận với bất cứ văn bản nào, thao tác đầu tiên, quan trọng nhất luôn là đọc văn bản. Quá trình đọc cần diễn ra cẩn trọng và có định hướng. Ngoài việc tập trung nhận diện các yếu tố đặc trưng của thể loại như tình huống, ngôi kể, điểm nhìn, không gian – thời gian nghệ thuật,... chúng ta cũng cần để ý đến các chi tiết, như miêu tả ngoại hình, suy nghĩ của nhân vật, hay miêu tả không gian, thời gian,... Đôi khi, chính từ các chi tiết mà ý nghĩa của văn bản được mở ra.

Bước 2. Phân tích và xác định vấn đề nghị luận

Trong truyện ngắn, không phải mọi thành tố của thể loại đều được chăm chút và sáng giá, mà đôi khi vẻ đẹp của tác phẩm có thể nằm ở một phương diện nghệ thuật nhất định. Do vậy, đối với mỗi bài văn nghị luận, cần xác định vấn đề trọng tâm khai thác trong tác phẩm, từ đó có định hướng triển khai bài viết.

Bước 3. Lập dàn ý

Dàn ý thể hiện tư duy của người viết về vấn đề nghị luận, nhằm định hướng triển khai bài viết. Một dàn ý tốt cần xác định được các nội dung chính trong từng phần của văn bản nghị luận và sắp xếp theo trật tự hợp lí.

Phần đặt vấn đề: Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.

Phần giải quyết vấn đề: Khai thác các thành tố của truyện ngắn để làm sáng tỏ vấn đề lựa chọn, từ đó rút ra thông điệp của văn bản.

Phần kết thúc vấn đề: Tổng kết vấn đề nghị luận, đánh giá giá trị của văn bản.

Bước 4. Tạo lập văn bản nghị luận

Khi tạo lập văn bản, tuỳ thuộc vào vấn đề nghị luận đã xác định từ trước, người viết cần linh hoạt lựa chọn phương diện khai thác.

Sau đây là một gợi ý triển khai bài viết:

Phần đặt vấn đề: Ở phần mở đầu, giới thiệu thông tin tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận để người đọc có cái nhìn sơ lược về vấn đề đang được bàn luận.

Phần giải quyết vấn đề:

** Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm:* Việc tìm hiểu năm sáng tác hay hoàn cảnh có thể giúp chúng ta bước đầu nhận diện đặc trưng của tác phẩm trong dòng mạch chung của thời kì, giai đoạn văn học, bối cảnh văn hoá, lịch sử xã hội sản sinh ra văn học.

** Phân tích các yếu tố của truyện ngắn*

– Câu chuyện và truyện kể: Để chiếm lĩnh một văn bản truyện, cần tóm tắt được các sự kiện, từ đó xác định câu chuyện và truyện kể. Câu chuyện bao gồm chuỗi sự kiện theo trật tự nhân quả, còn truyện kể là sự sắp xếp sự kiện theo một trật tự nhất định, theo ý đồ của nhà văn. Trong truyện ngắn trung đại, câu chuyện có thể trùng khít với truyện kể, các sự kiện được sắp xếp theo trật tự tuyến tính. Còn đối với các truyện ngắn hiện đại, mạch truyện kể có thể phức tạp hơn, đan xen hiện tại – quá khứ, thậm chí tương lai, việc lựa chọn kể cái gì trước, cái gì sau đều có thể tạo ra hiệu quả thẩm mĩ, ẩn chứa ý đồ nghệ thuật của nhà văn.

– Tình huống truyện: Tình huống truyện là một sự kiện mang tính bước ngoặt, dẫn đến sự thay đổi của nhân vật về cuộc đời, số phận hay tính cách. Xác định được mạch truyện kể cũng đồng thời phải nhận diện được tình huống truyện, từ đó thấy được tính cách nhân vật, góc nhìn, quan điểm của nhà văn. Có những nhà văn sở trường trong việc xây dựng tình huống, và chính cái lắt léo, éo le của tình huống lại làm nên vẻ hấp dẫn cho câu chuyện. Đọc truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* (O' Henry), không thể không phân tích hai lần đảo ngược tình huống để thấy được sự trớ trêu, từ đó sáng lên tình người trong tình cảnh khốn khó. Hay với *Vợ nhặt*, sự kiện anh Tràng "nhặt" vợ giữa khi đói quay, đói quắt lại làm sáng lên khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc ngay cả trong đường cùng.

Song cũng có trường hợp truyện ngắn bị "triệt tiêu" cốt truyện, truyện kể nương theo diễn biến cảm xúc của nhân vật, không có một sự kiện nào tạo nên tính bước ngoặt, chẳng hạn trong một số sáng tác của Thạch Lam. Những tác phẩm không có cốt truyện thường mạnh về miêu tả diễn biến nội tâm nhân vật, hoặc sự đặc sắc nằm ở màu sắc suy tư, chiêm nghiệm của người kể chuyện.

– Nhân vật: Một truyện ngắn có thể giản lược sự kiện, thủ tiêu cốt truyện song không thể không có nhân vật. Đây cũng là nơi người đọc neo vào để khám phá tư tưởng, quan điểm của tác giả. Một nhân vật thường được xây dựng thông qua các chi tiết ngoại hiện như hành động, lời nói (bao gồm cả giọng điệu, sắc thái tình cảm trong lời nói), cũng có thể được tập trung khắc hoạ suy nghĩ, nội tâm. Thông qua đó, người đọc có thể nhận diện tính cách nhân vật. Khi tiếp cận nhân vật, cần đặt nhân vật trong các mối quan hệ với các nhân vật khác, đồng thời chú ý nhân vật được quan sát từ điểm nhìn của ai. Khi đã khai thác các chi tiết, đặc điểm đó, người viết cần rút ra nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện góc nhìn, quan điểm của nhà văn.

Ví dụ về thao tác phân tích nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích sau:

"Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không."

(Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, *Ngữ văn 11*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022, tr.17)

Nhân vật bà cụ Tứ được xây dựng qua các chi tiết miêu tả ngoại hiện như "cúi đầu nín lặng", hai dòng nước mắt "rỉ xuống", thể hiện tâm trạng tủi nhục, buồn bã. Tâm trạng ấy còn được khắc hoạ sâu hơn thông qua những lời độc thoại nội tâm, điểm nhìn trần thuật lúc này đã di chuyển vào bên trong nhân vật để từ đó phóng chiếu ra một nội tâm đầy những tủi phận, lo lắng. Câu nói bị bỏ lửng *"Còn mình thì..."* được lấp bằng dòng nước mắt, thể hiện nỗi nghẹn ngào, buồn tủi khi nghĩ đến người ta lại càng thấy tủi cho phận mình. Là một người mẹ, khi con mình mang một người đàn bà xa lạ về nhà giữa lúc đói quay đói quắt, bà cụ Tứ không tránh khỏi nỗi mặc cảm, buồn bã, lo âu, song chính những day dứt, dằn vặt ấy lại càng làm sáng lên vẻ đẹp nhân hậu, giàu tình thương ở người mẹ nghèo khổ.

– Không gian và thời gian nghệ thuật: Mỗi câu chuyện đều được xây dựng trong một không gian và thời gian cụ thể. Khi tiếp cận phương diện này, cần nhìn thấy tác động qua lại của không gian – thời gian đối với sự kiện, nhân vật và bản thân ý nghĩa của không gian, thời gian. Vì sao câu chuyện về dì Mây (*Người ở bến sông Châu* của Sương Nguyệt Minh) lại gắn liền với bến sông mà không phải một không gian khác? Vì sao thời điểm ông Diều (*Muối của rừng* của Nguyễn Huy Thiệp) đi săn, rừng trong lành còn mưa xuân *"mềm và mịn"*, đến lúc ông trần truồng trở về, hoa tử huyền nở *"nhiều không kể xiết"*, mưa vẫn mềm nhưng đã mau hạt? Tất cả những lựa chọn ấy có dụng ý gì?

– Ngôi kể và điểm nhìn trần thuật: Xác định ngôi kể đi liền với việc nhận ra điểm nhìn trần thuật. Vấn đề ai kể, nhìn từ góc độ của ai quyết định đến thái độ, tình cảm đối với sự kiện hay con người được kể. Có nhiều loại điểm nhìn khác nhau như điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, điểm nhìn không gian và điểm nhìn thời gian,... Trong khi điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài có thể tạo ra tính

khách quan và khả năng bao quát sự kiện thì điểm nhìn của nhân vật, điểm nhìn bên trong lại tạo ra chiều sâu, bộc lộ nội tâm, cách đánh giá, nhìn nhận về điều được kể. Thông thường, điểm nhìn trong một truyện ngắn hiện đại thường thay đổi linh hoạt, có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt hoặc có thể kể từ nhiều điểm nhìn khác nhau.

Phần kết thúc vấn đề: Thông qua tất cả những yếu tố được khai thác, người viết cần đưa ra kết luận về giá trị của tác phẩm, đồng thời xác định thông điệp nhà văn gửi gắm. Để mở rộng vấn đề, người viết có thể bày tỏ quan điểm, đối thoại với góc nhìn, suy nghĩ của nhà văn.

Bước 5. Đọc và sửa lỗi

Đây là khâu cuối cùng trong quá trình tạo lập văn bản. Thao tác này nhằm kiểm tra, phát hiện và sửa lỗi chính tả, diễn đạt.

3. MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP

Với bài văn phân tích truyện ngắn, có một lỗi thường gặp là diễn xuôi văn bản. Điều này xảy ra khi chúng ta chỉ kể lại sự kiện trong văn bản mà không chú ý đến các thành tố của truyện, cũng như không phân tích, diễn giải ý nghĩa của các chi tiết được nhắc đến. Tuy nhiên, quá trình diễn giải cần bám sát vào văn bản, tránh lan man, suy diễn.

Ngoài ra, một bài văn nghị luận trở nên thiếu thuyết phục nếu mỗi luận điểm đưa ra không được chứng minh bằng hệ thống dẫn chứng phù hợp.

***

Tạo lập văn bản nghị luận về một văn bản truyện ngắn là khâu văn bản hoá kết quả đọc hiểu văn bản, là cơ hội thể hiện cảm nhận và cách tiếp cận của người viết về tác phẩm. Để viết được một bài văn tốt, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu đối với một văn bản nghị luận, người viết cũng cần thể hiện khả năng chiếm lĩnh một tác phẩm truyện theo đặc trưng thể loại. Góc độ tiếp cận, diễn giải càng tinh tế, sâu sắc, được thể hiện qua văn phong gãy gọn, chặt chẽ, sẽ càng giúp bài văn hấp dẫn, thuyết phục.



Các bạn thân mến! Chuyên mục "HỎI VẤN - ĐÁP...VẤN" do PGS.TS. Ngô Văn Giá phụ trách giúp các bạn giải mã những vẻ đẹp tiềm ẩn, thú vị của văn chương. Với tiêu chí là những câu hỏi "VẤN" (ngắn), các bạn hãy cứ yên tâm sẽ nhận được câu trả lời rất rất "VĂN" mà vẫn giải đáp mọi thắc mắc... Vậy còn đợi gì nữa mà không soạn thật nhiều câu hỏi hay gửi về VH&TT theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội (trong thư ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại để Toà soạn tiện liên hệ).

Các bạn có câu hỏi hay, thú vị được chọn đăng trên VH&TT sẽ được nhận tạp chí và nhuận bút. Ngoài các câu hỏi được đăng hàng tháng, VH&TT cũng sẽ dành tặng một phần thưởng đặc biệt cho các bạn có câu hỏi xuất sắc nhất trong quý.

Về việc Chí Phèo tìm đến nhà Bá Kiến...

(tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao)

Việc Chí Phèo tìm đến nhà Bá Kiến, giết Bá Kiến rồi tự sát có thể xem là biểu hiện của sự yếu đuối, không có khả năng vượt lên để chiến thắng số phận không ạ?

Trong tinh thần chung, Chủ nghĩa hiện thực thế kỉ 19 phương Tây (khi đi vào Việt Nam tuỳ mỗi thời kì, với những lưu ý khác nhau, trước năm 1945 được gọi là Chủ nghĩa hiện thực phê phán, và sau 1945 được phát triển thành Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa) đề cao nguyên lí phản ánh hiện thực: con người là số phận của hoàn cảnh, được hoàn cảnh nâng đỡ hoặc bị hoàn cảnh thủ tiêu, tuỳ theo; và xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình... Theo đó, với một nhãn quan như vậy, các tác phẩm của trào lưu hiện thực thường có cách kết thúc tác phẩm theo kiểu con người đầu hàng và thất bại trước hoàn cảnh, một hoàn cảnh xã hội đầy ải và bóp nghẹt sự sống, gây tai hoạ cho con người, phản nhân tính, đi ngược với chủ nghĩa nhân đạo chân chính.

Trong trường hợp Nam Cao, lúc mới đầu đi vào văn chương, ông cũng viết thơ tình theo kiểu lãng mạn, viết một số truyện tình sến súa.

Rất may, ông thức tỉnh sớm, mau chóng chuyển hướng, viết về những nỗi đau khổ ở đời, về tình trạng đánh mất, bị đánh mất hoặc tha hoá về nhân cách. Đây là một tiến bộ vượt bậc trong nhân sinh quan, trong tư duy nghệ thuật của nhà văn. Nhờ thế, ông đã cho ra đời hàng loạt những thiên truyện xuất sắc và đau đớn hướng về những con người nhỏ bé, đau khổ, bị áp bức và bị tước đoạt cả nhân hình, nhân tính,... Tác phẩm *Chí Phèo* là một kiệt tác mang tinh thần như vậy.

Trở lại câu hỏi trên, có lẽ chúng ta cần đứng trên hai lập trường để thảo luận.

Thứ nhất, xét theo tinh thần của trào lưu hiện thực lúc bấy giờ, việc nhà văn Nam Cao để cho Chí Phèo đi đâm chết Bá Kiến rồi tự đâm chết mình là phù hợp. Nó nói về sức mạnh huỷ diệt của hoàn cảnh, một hoàn cảnh xã hội phi nhân tính, có khả năng nhào nặn con người trở thành kẻ phi nhân tính, thành "con quỷ dữ"; và ghê gớm hơn nữa, nó đẩy con người phải đi vào cái chết. Nhân vật Chí Phèo đang khi le lói khát vọng hoàn lương thì cũng là lúc hắn cay đắng nhận ra khát vọng trở lại làm người lương thiện đã rơi vào tình trạng cùng đường tuyệt lộ. Đó là sự thất bại của con người trước hoàn cảnh. Và cái chết của Chí như một kết cục tất yếu, đẫm máu mang giá trị kết án xã hội, cảnh tỉnh lương tri và nhân tính.

Thứ hai, xét trên giá trị nhân văn phổ quát – một hướng đọc hiểu rất cần khuyến khích trong dạy – học Ngữ văn hiện nay thì cái chết của nhân vật Chí Phèo có khả năng đánh động vào tâm can người đọc một cách thật sâu sắc và đau đớn. Người đọc không nên chỉ biết đến cái chết của Chí như là kết cục cuối cùng, mà cần thăm dò vào quá trình lựa chọn cái chết của Chí thì mới thấy nỗi đau khổ của phận người. Ban đầu, do hắn thất tình, nên hắn đau khổ vì nhận ra mình bị "bội tình", thế là hắn xách dao đi để trả thù, để đâm chết "cả nhà nó", tức là cả Thị Nở và bà cô Thị Nở. Nhưng lạ thay, hắn không đi đến nhà Thị Nở, mà hắn lại thẳng đường đến nhà Bá Kiến. Hắn đã quên cái mục tiêu ban đầu? Hay hắn thức tỉnh nhận ra một mục tiêu mới chính xác hơn, nghiêm trọng hơn, đích đáng hơn là Bá Kiến? Cái gì dẫn dắt hắn bỏ quên Thị Nở để đến nhà Bá Kiến? Nam Cao vô cùng cao tay ở chỗ này. Nếu ông cho Chí Phèo thức tỉnh, với một ý thức sáng trưng chỉ dẫn Chí xác định rằng kẻ thù thực sự của mình là Bá Kiến và rằng hắn cần phải giết chết... thì đó không còn là Nam Cao nữa. Đúng lúc này, tài năng chói sáng của nghệ sĩ Nam Cao can dự: cái tiếng nói vô thức mơ hồ nằm trong cõi sâu tâm trí mịt mờ của Chí đã mách nước cho Chí, dẫn những bước chân xiêu vẹo, xệch xạc của Chí đi đến cái người đã làm cho đời Chí rách nát và tuyệt vọng. Mà thậm chí, Chí cũng chả nghĩ được cặn kẽ, chính xác đến thế đâu. Có một ánh sáng mơ hồ, mạnh mẽ, khẩn thiết giục Chí, xui khiến Chí, nâng bước chân Chí đi đến cái sào huyệt đó. Một mách bảo không thể chính xác hơn của vô thức... Thế mới biết, Nam Cao có ý thức tìm hiểu về vấn đề vô thức của ông S. Freud đang được giới thiệu khá nhiều ở Việt Nam lúc bấy giờ, và được nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình đón nhận: Thạch Lam, Khái Hưng, Vũ Trọng Phụng, Trần Thanh Mại, Trương Tửu,... Điều này cho thấy, khả năng chiếm lĩnh và mô tả về con người trong văn học Việt Nam những năm 1930 – 1945 đã đạt tới một trình độ đáng khâm phục.

Trở lại, nhìn vào quá trình nhân vật Chí Phèo đi đến cái chết mới là điều đáng bàn. Nó cho người đọc cảm nhận một cuộc vật lộn đau đớn trong cõi tinh thần của nhân vật, và sự bí ẩn kì diệu của vô thức con người.

Trên lập trường chủ nghĩa nhân văn phổ quát, việc nhân vật Chí Phèo tìm đến cái chết vang vọng một tiếng nói sâu thẳm và khẩn thiết: Con người cần được bảo toàn và phát huy nhân tính; chỉ có nhân tính mới khiến sự sống con người được tồn tại, nảy nở.

Với tất cả lí do đó, người đọc chúng ta không nên diễn giải hành động Chí Phèo được miêu tả trong tác phẩm theo cái ý hướng quen thuộc và hơi cũ: "yếu đuối" hay "mạnh mẽ". Ở đây là thế giới bí ẩn và mãnh liệt trong vô thức con người được lên tiếng, được can dự vào thực tại nhờ tài năng nghệ thuật cao cường của nhà văn.

